

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL**



193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM
Điện thoại | (028) 3829.4623 - (028) 3823.0078
Fax | (028) 3829 0403 - (028) 38275693
Email | kimkhitp@metalhcm.com.vn

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN 2022**

MỤC LỤC

Thông tin chung

7

Thông tin khái quát
Cột mốc thời gian
Các giải thưởng
Ngành nghề kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Rủi ro trong quá trình hoạt động

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

59

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty
Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tình hình hoạt động trong năm

21

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

Quản trị Công ty

67

Hoạt động của Hội đồng quản trị
Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị
Hoạt động của Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát
Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám đốc

49

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Báo cáo tài chính kiểm toán

77

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

Thông tin chung

Thông tin khái quát

Cột mốc thời gian

Các giải thưởng

Ngành nghề và địa bàn hoạt động

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSteel

Tên viết tắt: HMC

Trụ sở chính: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ: 272.999.990.000 đồng

Điện thoại: (028) 3829.4623 - (028) 3823.0078

Fax: (028) 3829 0403 - (028) 38275693

Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn

Website: <https://metalhcm.com.vn/vi/>

Ngành nghề: Kinh doanh thương mại và dịch vụ

Mã số thuế: 0300399360

Mã cổ phiếu: HMC

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22 tháng 08 năm 2022.

Cột mốc thời gian

1975

Ngày 30/12/1975, Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517/VT-QĐ về việc tách Công ty Kim khí - Thiết bị Phụ tùng thành hai Công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.

1976

Ngày 04/11/1976, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II.

1986

Ngày 01/01/1986, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 746/VT-QĐ

1993

Ngày 28/05/1993, theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí - Bộ Thương mại.

2003

Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

2005

Ngày 07/09/2005, Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158 tỷ đồng.

2006

Ngày 21/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là HMC.

2008

Ngày 16/05/2008, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết bổ sung là 210 tỷ đồng.

2017

Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh công bố thông tin về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Kim khí Thành Phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL vào ngày 17/01/2017.

2019

Công ty nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 01/10/2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

2021

Vượt qua khó khăn của đại dịch Covid-19, Doanh thu của Công ty trong năm 2021 đạt xấp xỉ 3.830,6 tỷ đồng. Vốn hoá thị trường ngày 31/12/2021 đạt 537,6 tỷ đồng.

2022

Năm 2022, Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh đã tăng vốn điều lệ lên 272.999.990.000 đồng.

Các giải thưởng

- 1995: Huân chương Lao động Hạng Ba - Xuất sắc trong công tác từ năm 1990- 1994.
- 2006: Bằng khen của Bộ Công nghiệp - Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006.
- 2007: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007.
- 2010: Huân chương Lao động Hạng 2 - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.
- 2011: Cờ thi đua của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.
- 2012: Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.
- 2013: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.
- 2014: Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014.
- 2016: Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016.



Ngành nghề và địa bàn hoạt động

Ngành nghề kinh doanh

Mã	Ngành
2592	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại Chi tiết: Sản xuất, gia công sản phẩm kim khí và các hoạt động phục vụ kinh doanh (kể cả sửa chữa, phục hồi, tân trang máy móc, thiết bị cũ) (không sản xuất, gia công tại trụ sở).
3315	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)(không hoạt động tại trụ sở).
3830	Tái chế phế liệu Chi tiết: Phá hủy tàu (không hoạt động tại trụ sở).
4610	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý kinh doanh xăng dầu, dầu nhờn, mỡ máy.
4620	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống Chi tiết: Mua bán nông lâm hải sản (không hoạt động tại trụ sở).
4659	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Mua bán máy móc, thiết bị.
4662	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Mua bán kim khí (kim loại đen, kim loại màu).
4663	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn xi măng; gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi.
4669	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Mua bán vật tư thứ liệu, phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở), thủ công mỹ nghệ, khoáng sản, sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác, gỗ và các sản phẩm về gỗ.
4933	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
5011	Vận tải hành khách ven biển và viễn dương
5022	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
5224	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)
5510	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh khách sạn (không hoạt động tại trụ sở).
6810	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Dịch vụ cho thuê kho bãi, văn phòng, nhà ở. Kinh doanh bất động sản.
7920	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch Chi tiết: Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế.

Địa bàn hoạt động

Địa bàn kinh doanh của Công ty chủ yếu ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.
Thị trường xuất khẩu chủ yếu là các nước như Hồng Kông, Myanmar, Campuchia...

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hằng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Hội đồng quản trị,...

Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị (HĐQT) do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp, Điều lệ, các quy chế nội bộ của công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định, số lượng thành viên HĐQT của Công ty là năm (05) người, bao gồm: 1 Chủ tịch và 4 Thành viên. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm. Thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Công ty có một thành viên Hội đồng Quản trị độc lập.

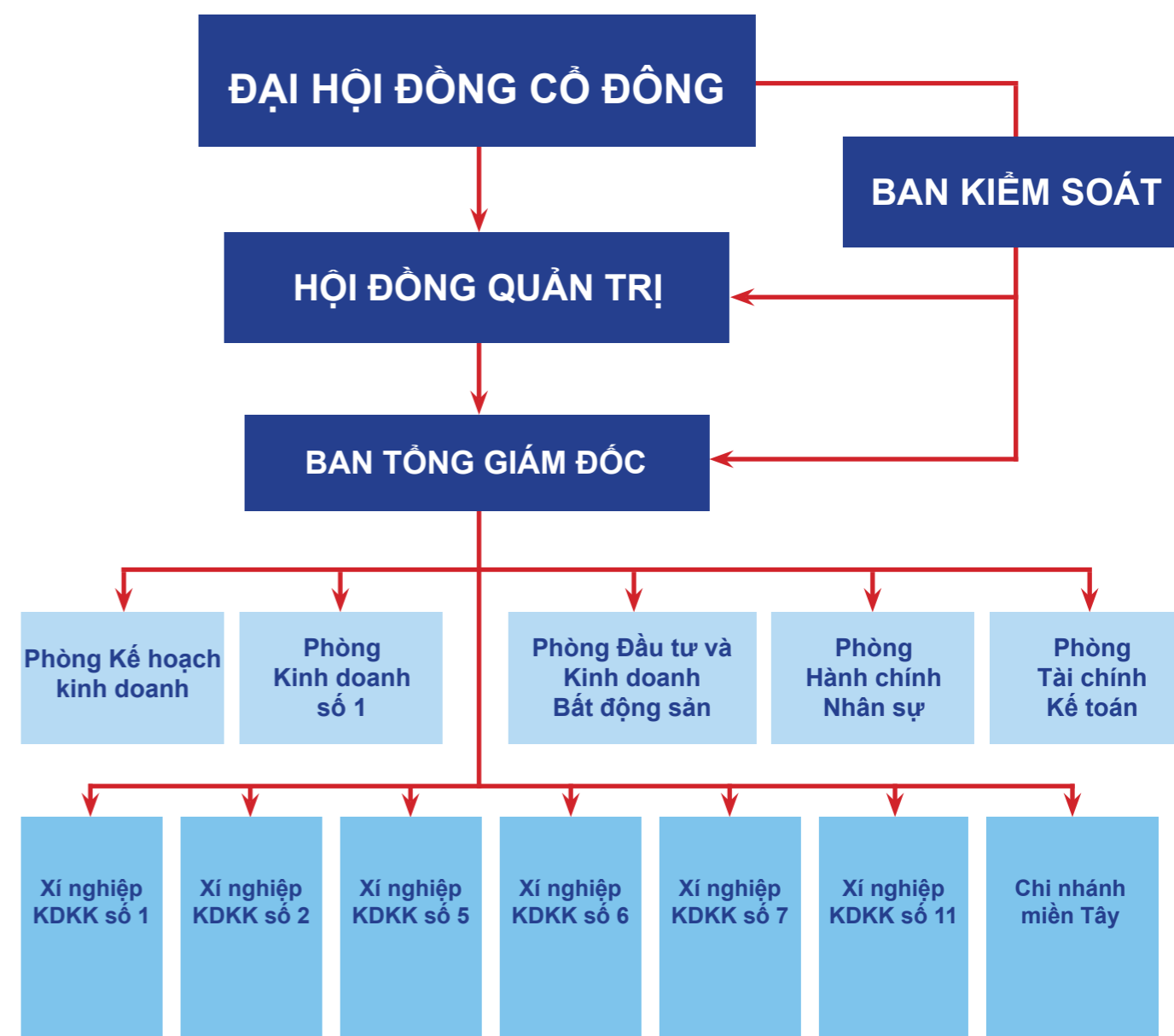
Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát (BKS) là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, có nhiệm vụ kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát Công ty gồm ba (03) thành viên, bao gồm: 01 trưởng ban và 02 thành viên.

Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc (TGD) là người đại diện theo pháp luật của Công ty, là người điều hành công việc hàng ngày và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các Nghị quyết/Quyết định HĐQT trong công tác quản lý, điều hành, doanh nghiệp.

Sơ đồ bộ máy quản lý



Các xí nghiệp thành viên

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 1

Địa chỉ: 343/17 Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (028) 37503203

Fax: (028) 38645012

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 5

Địa chỉ: Khu Phố 4, Phường Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38963974

Fax: (028) 38963974

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 7

Địa chỉ: 343/17 Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (028) 39798038

Fax: (028) 39798039

XÍ NGHIỆP CÁN CẮT TÂM CUỘN & KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 6

Địa chỉ: Số 5 Đường số 13, Khu Phố 4, Phường Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (028) 37245809

Fax: (028) 37246206

Ghi chú: Công ty không có Công ty con và Công ty liên kết

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 2

Địa chỉ: 458 Quốc Lộ 1A, P.Bình Hưng Hoà B, Q.Bình Tân, TP.HCM

Điện thoại: (028) 54281891

Fax: (028) 54254911

CHI NHÁNH MIỀN TÂY

Địa chỉ: 181 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3841182

Fax:(0292) 3842992

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 11

Địa chỉ: C35/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

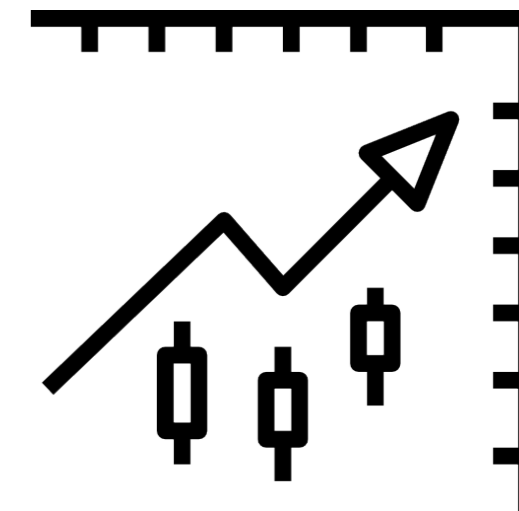
Điện thoại: (028) 37654505

Fax: (028) 37654506

Định hướng phát triển

Mục tiêu của Công ty

Mục tiêu phát triển của Công ty là hướng đến một hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp hàng hóa và dịch vụ hoàn hảo cho các đối tác và khách hàng. Để có thể đạt được mục tiêu đó, Công ty đã và đang không ngừng hoàn thiện, đổi mới và phát triển để chất lượng hàng hóa và dịch vụ ngày càng nâng cao.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Về trung và dài hạn, Công ty sẽ tập trung kinh doanh và phát triển mảng Kinh doanh thép nhập khẩu với doanh thu tăng 5% đến 10% mỗi năm. Các mảng thép xây dựng tăng trưởng 10% mỗi năm và đặt mục tiêu doanh số cung cấp cho các công trình trọng điểm trên 50%. Mảng cho thuê văn phòng thì Công ty sẽ cố gắng đảm bảo tỷ lệ cho thuê luôn trên 95% diện tích.

Phát triển bền vững với môi trường và xã hội

Vấn đề bảo vệ môi trường hiện nay là một xu hướng trong xã hội đồng thời cũng là một trong những mục tiêu trọng tâm của Công ty. Biết được điều đó, Công ty luôn không ngừng cố gắng đầu tư vào các trang thiết bị hiện đại, tiết kiệm năng lượng nhằm góp phần bảo vệ môi trường chung. Ngoài ra Công ty còn tích cực tuyên truyền, giáo dục nhận thức của công nhân viên nhằm giảm thiểu phát thải và cải thiện môi trường xung quanh.

Công ty luôn chú ý đến đời sống vật chất và tinh thần của công nhân viên. Thông qua các công tác đào tạo, cập nhật kiến thức mới nhằm nâng cao chất lượng lao động, Công ty còn chú trọng trong vấn đề lương thưởng, thù lao, chính sách xã hội để cải thiện đời sống cho toàn thể nhân viên. Cùng với đó là Công ty cũng tổ chức các hoạt động đoàn thể, hoạt động xã hội nhằm nâng cao tinh thần đoàn kết trong công việc của công nhân viên.

Rủi ro trong quá trình hoạt động

Rủi ro kinh tế

Sau khoảng thời gian hồi phục từ năm 2021 đến khoảng nửa đầu năm 2022, nền kinh tế thế giới đã cho thấy sự khó khăn vào nửa cuối năm 2022 và có thể kéo dài tới năm 2023. Theo Quỹ tiền tệ thế giới (IMF), mức tăng trưởng toàn cầu vào năm 2022 vẫn giữ nguyên ở mức 3,2%, vì lý do sản lượng dự báo ở châu Âu tăng để bù đắp lại cho sự suy giảm kinh tế ở Mỹ. Tuy nhiên, điều bất ngờ là giá trị đồng USD của Mỹ đã duy trì đà tăng đến tháng 11 năm 2022, cụ thể là chỉ số sức mạnh đồng USD (DXY) đã tăng 18% từ tháng 2 năm 2022 làm cho giá trị của các đồng tiền ngoài Mỹ giảm, kéo theo đó là tình trạng xuất khẩu lạm phát của Mỹ ra thế giới, đẩy giá hàng hóa, dịch vụ của các nước khác tăng cao, làm giảm sức mua của người dân các nước; thêm vào đó là tình trạng chiến tranh Nga - Ukraine và căng thẳng Trung quốc - Đài Loan càng đẩy giá hàng hóa, đặc biệt là dầu thô, dịch vụ lên cao, góp phần đẩy lạm phát toàn cầu lên 8,8% ở năm 2022.

Theo báo cáo Chính phủ tại Kỳ họp thứ 4 Quốc hội khóa XV, kinh tế Việt Nam đã hồi phục mạnh mẽ, đạt và vượt 14/15 chỉ tiêu kinh tế đã đặt ra, với mức tăng trưởng GDP là 8,02%, lạm phát được duy trì nhỏ hơn 4%, đáng chú ý nhất là giải ngân vốn FDI đạt mức cao nhất 5 năm trở lại đây. Tổ chức tín dụng Moody's

vào tháng 9 năm 2022 đã nâng tín nhiệm quốc gia dài hạn Việt Nam từ Ba3 lên mức Ba2. Tuy nhiên, những thành tích trên vẫn sẽ đối mặt với những khó khăn do ảnh hưởng từ thế giới như: dịch bệnh, tỷ giá USD/VND tăng cao và chính sách thắt chặt tiền tệ ở Ngân hàng trung ương Mỹ và châu Âu. Bên cạnh đó là những bất ổn về thị trường chứng khoán, bất động sản, ngân hàng, trái phiếu,... làm cho thị trường tài chính trong nước gặp nhiều khó khăn. Những tiêu cực từ thị trường trong và ngoài nước có thể kéo dài đến năm 2023, gây tác động xấu đến tăng trưởng kinh tế cả nước nói chung và ngành thép nói riêng.

Theo thông tin từ Hiệp hội Thép Việt Nam (VSA), sản xuất thép thành phẩm năm 2022 đạt 29,339 triệu tấn, giảm 11,9% so với cùng kỳ năm 2021. Bán hàng thép thành phẩm đạt 27,3 triệu tấn, giảm 7,2% so với cùng kỳ năm 2021. Trong đó xuất khẩu đạt 6,28 triệu tấn, giảm 19,1% so với cùng kỳ năm ngoái. Năm 2022 là một năm đầy thách thức, đó là thị trường tiêu thụ nội địa giảm sút, giá cả nguyên liệu sản xuất thép diễn biến phức tạp, gây khó khăn chung cho toàn ngành.

Rủi ro biến động giá

Trong năm 2022, giá thép bước vào giai đoạn giảm giá sau khoảng thời gian giá tăng liên tục từ năm 2020 đến năm 2021. Trước đó, ngành thép và HMC được hưởng lợi từ việc tích trữ lượng lớn thép giá thấp và bán ra ở mức giá cao. Tuy nhiên, bước sang năm 2022, giá thép bước vào chu kỳ giảm (tính đến tháng 12 năm 2022, giá HRC đã giảm 2,89 lần từ đỉnh cũ năm 2021). Giá thép trong nước phản ứng và điều chỉnh rất nhanh theo giá thép trên thế giới. Trong khi đó, hàng nhập khẩu thường về đến Việt nam sau khi ký hợp đồng từ 2 - 3 tháng. Giá xuống khiến cho việc tiêu thụ chậm lại, gia tăng áp lực tài chính từ hàng hóa đang tồn kho với giá cũ. Hiệu quả kinh doanh hàng nhập khẩu phụ thuộc nhiều vào xu hướng giá tăng hoặc giảm. Trong năm 2021 và 6 tháng đầu năm 2022 Công ty có hiệu quả tốt nhờ vào giai đoạn tăng giá và khi giá giảm thì hiệu quả ngược lại. Chính vì vậy, để kiểm soát tốt chi phí đầu vào cũng như tối ưu được lợi nhuận, Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh cần thường xuyên theo dõi diễn biến giá của các loại nguyên vật liệu đưa ra các chiến lược sản xuất và kinh doanh phù hợp.

Rủi ro tiền tệ

Vào năm 2022, Mỹ đã chứng kiến mức lạm phát tăng cao chưa từng thấy trong 40 năm qua. Để kiểm soát tình hình này, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) đã quyết định tăng lãi suất cơ bản từ 0,25% lên 4,5%. Bên cạnh đó, nhiều Ngân hàng trung ương trên thế giới, trong đó có Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, cũng đã tăng lãi suất để kiểm soát tỷ giá và tình hình kinh tế vĩ mô. Với việc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tăng lãi suất điều hành vào cuối năm, lãi suất tái chiết khấu và lãi suất tái cấp vốn đã trở về mức tương đương với giai đoạn trước dịch. Điều này đã tác động đến các Ngân hàng thương mại trong nước, khi họ cũng đã phải tăng lãi suất huy động và cho vay. Việc tăng lãi suất và tỷ giá đã gây áp lực lên chi phí tài chính đối với các hoạt động thương mại giữa Công ty và các đối tác.

Rủi ro trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro cạnh tranh

Theo VSA, tính chung năm 2022, nhập khẩu thép thành phẩm các loại về Việt Nam đạt khoảng 11,679 triệu tấn với trị giá hơn 11,92 tỷ USD, giảm 5,62% về lượng nhưng tăng 3,04% về giá trị so với cùng kỳ 2021. Các quốc gia cung cấp thép chính cho Việt Nam bao gồm: Trung Quốc (41,65%), Nhật Bản (15,06%), Hàn Quốc (12,27%), Đài Loan (8,84%) và Ấn Độ (6,5%). Trong khi đó, lượng bán hàng thép thành phẩm trong năm 2022 lại giảm đến 7,02%, điều này cho thấy sự cạnh tranh trong khu vực nội địa giữa các doanh nghiệp trong nước, trong đó có HMC, và các đối thủ cạnh tranh đến từ nước ngoài một cách gay gắt. Đối với tình hình xuất khẩu, Việt Nam đã xuất khẩu khoảng 8,397 triệu tấn thép giảm 35,85% so năm trước. Giá trị xuất khẩu đạt 7,99 tỷ USD giảm 32,2% so với năm 2021. Nhìn chung, năm 2022 Công ty phải chịu áp lực cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước, ngoài ra thị trường xuất khẩu giảm mạnh cũng gây áp lực không nhỏ đối với hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty cần xây dựng kế hoạch kinh doanh phù hợp với tình hình kinh tế trong và ngoài nước, ngoài ra cũng cần phải có chính sách bán hàng phù hợp để có thể cạnh tranh với các Công ty khác cùng ngành.



Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh – VNSTEEL chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Đầu tư, Luật Chứng khoán, Luật Thương mại... Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, bất kỳ sự thay đổi nào về các quy định liên quan và quy định đặc thù của ngành đều tác động trực tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Cụ thể là luật Doanh nghiệp 2020, luật Chứng khoán 2019 đã được ban hành và có hiệu lực từ ngày 1/1/2021.

Năm 2021, Nghị định 101/2021/NĐ-CP sửa đổi được Chính phủ ban hành vào ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ đã bổ sung một số điều của Nghị định 122/2016/NĐ-CP và Nghị định 57/2020/ NĐ-CP liên quan đến các loại thuế xuất nhập khẩu nhằm kim hãm đà tăng giá của một số mặt hàng trong đó có thép. Tuy nhiên đến năm 2022, ngành thép không chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các văn bản pháp luật được công bố, thay vào đó là chịu ảnh hưởng gián tiếp từ Nghị định 65/2022/NĐ-CP được Chính phủ ban hành vào ngày 16 tháng 9 năm 2022. Với việc siết chặt dòng vốn từ việc phát hành trái phiếu từ Nghị định 65 sẽ ảnh hưởng đến việc huy động vốn từ trái phiếu của các doanh nghiệp Bất động sản, vốn đang chiếm đến 24% tổng lượng trái phiếu trong 9 tháng năm 2022, làm cho ngành Bất động sản tăng trưởng chậm lại khiến cho nhu cầu sử dụng thép cũng giảm theo. Ảnh hưởng gián tiếp của Nghị định 65 có thể kéo dài đến năm 2023 nên Công ty cần có những chiến lược kinh doanh, quản trị phù hợp để thích ứng với tình trạng suy giảm tiêu thụ trong tương lai.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng khác ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty như chiến tranh, hỏa hoạn, bão lụt, các thiên tai khác... Đây là những rủi ro hiếm khi xảy ra nhưng nếu xảy ra sẽ ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh, lợi nhuận của Công ty. Công ty luôn chủ động đề phòng và xây dựng các giải pháp ứng phó như: tuyên truyền nâng cao hiểu biết về bệnh dịch và mở các lớp huấn luyện phòng cháy chữa cháy cho công nhân viên cũng như khách hàng thuê văn phòng,... nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm đồng thời hạn chế tổn thất khi rủi ro xảy đến.

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Thực hiện 2022	% TH2022/ KH2022	% TH2022/ TH2021
Doanh thu	3.830,56	3.670,00	3.411,48	93,03%	89,06%
Chi phí	3.652,76	3610,00	3.405,96	94,50%	93,24%
Lợi nhuận trước thuế	177,8	60	5,52	9,20%	3,10%
Lợi nhuận sau thuế	142,1	48	3,13	6,52%	2,20%

Cơ cấu doanh thu và sản lượng

STT	Danh mục	ĐVT	Năm 2021		Năm 2022		2022/2021
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
A	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.830	100,00%	3.412	100,00%	89%
1	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	59	1,70%	72	2,16%	111%
2	Doanh thu hàng hóa	Tỷ đồng	3.611	98,30%	3.340	97,84%	89%
B	Tổng sản lượng (I+II+III)	Tấn	278.211	100,00%	196.210	100%	71%
1	Thép nhập khẩu	Tấn	56.342	20,25%	56.453	28,77%	100%
2	Thép xây dựng	Tấn	93.946	33,77%	124.777	63,59%	133%
3	Phôi, phế liệu	Tấn	127.923	45,98%	14.980	7,64%	12%
C	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ	Tỷ đồng	177,80	-	5,52	-	3%

Năm 2022 là một năm khó khăn chung của nền kinh tế thế giới. Giá thép diễn biến khó lường khiến cho quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn khiến cho doanh thu của Công ty trong năm 2022 chỉ đạt 89,13% so với năm 2021, khiến cho Lợi nhuận sau thuế của Công ty bị sụt giảm mạnh. Tình trạng lãi suất tăng cao cũng làm cho Chi phí lãi vay của Công ty tăng mạnh, từ 10,9 tỷ vào năm 2021 lên 17,73 tỷ vào năm 2022. Tóm lại, năm 2022, Công ty đã trải qua nhiều khó khăn và thách thức khiến cho Công ty chưa hoàn thành kế hoạch đã đề ra.



Tổ chức và nhân sự

Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	-	-
2	Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	-
3	Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT – Không điều hành	-	-
4	Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	-	-
5	Phạm Mạnh Hùng	Thành viên độc lập của HĐQT	2.600	0,01%

Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Dương Trung Toàn

Ngày sinh: 30/07/1969

Trình độ: Cử nhân Tài chính

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Tổng giám đốc công ty cổ phần thép tám Miền Nam

Quá trình công tác:

- 2002 – 2003: Phó phòng, Trưởng phòng TC-KT Nhà máy thép Tân Thuận
- 2004 – 2007: Trưởng phòng TC-KT BQLDA NM thép cán nguội Phú Mỹ, Trưởng phòng TC-KT Công ty thép tám lá Phú Mỹ
- 2007 – 2009: Kế toán trưởng, phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Essar-Việt Nam
- 2009 – 2013: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thép tám Miền Nam
- 2013 – 2014: Phó trưởng ban TC-KT Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP
- 2014 – 2015: Phó Giám đốc Công ty Thép tám lá Phú Mỹ, Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép tám lá Phú Mỹ-VNSTEEL
- 2015 – 2018: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Thép Vina Kyoel
- 2018 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL

Lý lịch Hội đồng quản trị (tiếp theo)

Ông Võ Trí Nghĩa

Ngày sinh: 11/03/1979

Trình độ: Kỹ sư luyện kim, Cử nhân kinh tế đối ngoại

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thép Nhà Bè

Quá trình công tác:

- 2002 – 2005: Chuyên viên kinh doanh – Tổng Công ty Thép Việt Nam
- 2005 – 2010: Chuyên viên phòng Vật tư Xuất nhập khẩu – Tổng Công ty thép Việt Nam
- 2010 – 2011: Trưởng phòng Vật tư XNK - Công ty cổ phần Tôn mạ VNSteel Thăng Long
- 2011 – 2015: Trưởng phòng KHKD- Công ty cổ phần tôn mạ VNSteel Thăng Long
- 2015 – 2016: Phó Tổng Giám đốc-Công ty cổ phần Tôn mạ VNSteel Thăng Long
- 2016 – 2019: Thành viên HĐQT/Phó TGD-Công ty cổ phần Tôn mạ Thăng Long
- 2019 – Nay: Tổng Giám đốc-Công ty cổ phần Kim khí TP.HCM-VNSTEEL

Bà Cù Thị Thùy Linh

Ngày sinh: 1977

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị – Không điều hành

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Phó ban KHTT Tổng Công ty Thép Việt Nam, Thành viên Ban kiểm soát Công ty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thép Đà Nẵng.

Quá trình công tác:

- 1999 – 2003: Nhân viên Phòng Kinh doanh, Công ty Điện tử Samsung Vina
- 2003 – 2007: Chuyên viên P.KHKD - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
- 2007 – 2014: Chuyên viên Ban Vật tư XNK - Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
- 2014 – 2015: Chuyên viên Ban Kế hoạch thị trường - Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
- 2018 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL

Ông Phạm Mạnh Hùng

Ngày sinh: 03/11/1962

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 2.600 cổ phiếu

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 1987 – 2003: Trưởng P.KHKD Công ty Tổng hợp Bình Định
- 2003 – 2007: Trưởng P.KHKD Sở Thương Mại Bình Định
- 2008 – 2011: Trưởng phòng KHTH và Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen
- 2012 – 2019: Phó TGD và TGD Công ty CP Thép Nam Kim
- 2019 – Nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL

Ông Trương Bá Liêm

Ngày sinh: 01/01/1963

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- 1987 – 1993: Chuyên viên kỹ thuật tại Công ty Kim khí Miền Trung
- 1993 – 1998: Cửa hàng trưởng, phó giám đốc Xí nghiệp trực thuộc Công ty Kim Khí Miền Trung
- 1998 – 1999: Giám sát kinh doanh khu vực Miền Trung tại Công ty Mercedes - Benz Việt Nam
- 2001 – 2003: Phó P.KHKD Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp 2003 - 2021 Phó TGD Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL
- 2014 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL

Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Không có

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	-	-
2	Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	2.730	0,01%
3	Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát	-	-

Lý lịch Ban kiểm soát

Bà Hoàng Lê Ánh

Ngày sinh: 28/10/1970

Trình độ: Cử nhân Tài chính và kế toán

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 1993 – 1997: Nhân viên kế toán tại Nhà máy cơ khí Luyện Kim thuộc Công ty Thép Miền Nam
- 1997 – 2003: Nhân viên kế toán Nhà máy thép Nhà Bè
- 2003 – 2006: Kế toán trưởng Nhà máy thép Nhà Bè
- 2007 – 2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè
- 2010 – 2014: Chuyên viên P.TCKT Tổng Công ty Thép VN
- 2012 – 2015: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cơ khí Luyện Kim
- 2012 – 2015: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Tân Thuận
- 2012 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Ngày sinh: 07/09/1978

Trình độ: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 2.730 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2002 – 2007: Kế toán Công ty TNHH Thái Nam
- 2007 – 04/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH TMDV Điện Tử Viễn Thông Trần Anh
- 2013 – Nay: Nhân viên Ban quản lý tòa nhà nay là P.ĐT& KDBDS - Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - Vnsteel
- 2016 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM- VNSTEEL

Bà Trương Thị Tuyết

Ngày sinh: 18/02/1981

Trình độ: Cử nhân

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Thép Đà Nẵng, Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Lưới thép Bình Tây

Quá trình công tác:

- 2005 – 2007: Kế toán viên Công ty CP Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng
- 2008 – 2011: Phụ trách phòng kế toán Công ty CP Đầu tư và Thẩm định giá Dầu khí PVI
- 2011 – 2013: Phó phòng kế toán Công ty CP Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng
- 2013 – 2017: Trưởng phòng Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư và Phát triển
- 2017 – 2017: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phát triển Thương mại và Xây lắp Toàn Cầu
- 2018 – Nay: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP

Thay đổi trong Ban kiểm soát

Không có

Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	-	-
2	Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	-	-
3	Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	-	-
4	Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	-	-

Lý lịch Ban điều hành

Ông Võ Trí Nghĩa

Vui lòng xem ở mục Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Lại Văn Quyền

Ngày sinh: 02/09/1978

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 2003 – 2006: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu
- 2006 – 2008: Chuyên viên Tổng Công ty XDCT giao thông 1
- 2008 – 2013: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng công trình 675
- 2013 – 2016: Chuyên viên bộ phận kế toán Công ty TNHH Thép Vinakyoiei
- 2016 – 2017: Quyền phó bộ phận kế toán Công ty TNHH Thép Vinakyoiei
- 2017 – 2017: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL
- 2017 – 2019: Phó phòng TCKT- Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL
- 2019 – 2022: Kế toán trưởng- Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL
- 2022 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL

Bà Lê Thị Nguyệt

Ngày sinh: 8/4/1974

Trình độ: Kỹ sư

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 2000 - 2002: Nhân viên tại Công ty liên doanh sản xuất Thép Việt Úc
- 2002 - 3/2005: Nhân viên tại Công ty TNHH Thép Miền Nam - VNSTEEL
- 4/2005 - 12/2006: Phó phòng Tổ chức Hành chính tại Công ty TNHH Thép Miền Nam - VNSTEEL
- 1/2007- 10/2015: Phó phòng Kế hoạch Vật tư tại Công ty TNHH Thép Miền Nam - VNSTEEL
- 11/2015 -10/2022: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư tại Công ty TNHH Thép Miền Nam - VNSTEEL
- Từ 11/2022 - nay: Phó Tổng giám đốc tại Công ty cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL

Bà Nguyễn Thị Hồng Mây (Mới được bổ nhiệm vào ngày 1/2/2023)

Ngày sinh: 7/10/1981

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 7/2005 - 7/2007: Kế toán viên tại Công ty TNHH Uni- President Việt Nam
- 8/2007 - 12/2010: Kế toán tổng hợp tại Công ty TNHH Bách Khoa
- 1/2011 - 3/2016: Tổ trưởng kế toán Xí nghiệp tại Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
- 4/2016 - 7/2018: Kế toán tổng hợp tại Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL
- 8/2018 - 5/2022: Phó phòng TCKT tại Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL
- 6/2022 - 1/2023: Trưởng phòng TCKT tại Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL
- Từ 1/2/2023: Kế toán trưởng tại Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL
- 9/2016 - nay: TV Ban kiểm soát tại Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất

Danh sách Ban điều hành (Tiếp theo)

Thay đổi trong Ban điều hành

Họ tên	Chức vụ	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
Lại Văn Quyền	Kế toán trưởng	-	30/6/2022
Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	09/06/2022	-
Nguyễn Thanh Tuân	Phó Tổng Giám đốc	-	14/11/2022
Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	01/11/2022	-
Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	01/02/2023	-



Tình hình cán bộ nhân viên

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	181	100%	165	100%
Trên Đại học	1	0,55%	1	0,61%
Đại học, Cao đẳng	103	56,91%	97	58,79%
Trung cấp, sơ cấp	18	9,94%	17	10,30%
Công nhân kỹ thuật	2	1,10%	2	1,21%
Lao động phổ thông	57	31,49%	48	29,09%
Theo tính chất hợp đồng lao động	181	100%	165	100%
Thời vụ	16	8,84%	8	4,85%
Có thời hạn	37	20,44%	33	20,00%
Không xác định thời hạn	128	70,72%	124	75,15%
Theo giới tính	181	100%	165	100%
Nam	125	69,06%	111	67,27%
Nữ	56	30,94%	54	32,73%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Tổng số lượng người lao động	189	181	165
Thu nhập bình quân Đồng/Người/ Tháng	15.080.000	25.995.000	14.560.000



Chính sách đối với người lao động

Về môi trường làm việc

Công ty luôn quan tâm đến việc bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động. Một số quyền lợi của người lao động được thực hiện ở mức cao hơn so với pháp luật quy định.

Cải thiện điều kiện làm việc, mua sắm đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, tăng cường công tác PCCC và vệ sinh an toàn lao động. Chăm lo đời sống cho người lao động, kịp thời động viên, hỗ trợ vật chất và tinh thần cho người lao động nhất là các dịp lễ tết, sinh nhật... Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động được đặc biệt quan tâm, tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ. Tổ chức các hoạt động tham quan du lịch, team building để người lao động thư giãn, giao lưu, chia sẻ và tăng cường tình đoàn kết.

Về tuyển dụng

Công ty tuyển dụng dựa trên nhu cầu về vị trí và trình độ của người lao động vào thời điểm tuyển dụng. Công ty tìm kiếm nhân sự dựa trên nguyên tắc công bằng – minh bạch, có những phẩm chất tốt và có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề nhằm có thể gắn bó lâu dài với Công ty.



Về lương thưởng, đãi ngộ

Năm 2022, Công ty tiếp tục thực hiện trả lương dựa trên hệ thống trả lương cho người lao động theo phương pháp 3P, đã được xây dựng từ năm 2016, nhằm xác lập các nguyên tắc trả lương thống nhất với từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động (NLD) làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh. Tiền lương và thu nhập của mỗi NLD phụ thuộc vào năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và tiềm năng cống hiến của NLD phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và cạnh tranh so với thị trường lao động. Thu nhập của CBCNV bao gồm: Lương cố định, Lương hiệu quả, Các khoản phụ cấp (nếu có), tiền thưởng. Mức lương của một cá nhân phải nằm trong dải lương quy định trong hệ thống thang – ngạch lương của Công ty. Dải lương của một vị trí công việc là khoảng cách giữa mức lương thấp nhất (Min), mức lương trung bình (Average) và mức lương cao nhất (Max). Mỗi vị trí công việc có một dải lương tương ứng nằm trong thang bảng lương của Công ty. Hệ thống thang – ngạch lương có thể được điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi từ các yếu tố bên ngoài (tốc độ lạm phát, mức lương của thị trường lao động nói chung và của ngành có liên quan nói riêng) hoặc các yếu tố bên trong (chiến lược kinh doanh, quy mô, ngân sách lương, hiệu quả kinh doanh của Công ty). Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng theo hiệu quả công việc của cá nhân, theo năng suất lao động và theo lợi nhuận của Công ty.

Về đào tạo

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ. Công ty đã rất chú trọng đến công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ cho đội ngũ bán hàng.



Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Năm 2022 công ty đầu tư một số hạng mục mua sắm, nâng cấp TSCĐ tại Linh Trung, Thủ Đức và dự án mở rộng xưởng sản xuất tại Kho Vĩnh Lộc. Hoàn thành cải tạo nâng cấp bãi chứa hàng, đường nội bộ và hệ thống thoát nước kho Thủ Đức. Các dự án tại kho Thủ Đức đã hoàn thành đúng tiến độ đề ra, đưa vào sử dụng ngay, tạo điều kiện cho công tác quản lý và giao nhận tại kho, được khách hàng đánh giá cao. Diện tích sử dụng được tăng lên đáng kể đem lại doanh thu và hiệu quả cho mảng kinh doanh này.

Đầu tư 02 bộ cổng trục 15T và 30T. Đầu tư mua sắm 02 xe ô tô 5 chỗ và 7 chỗ ngồi phục vụ nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty.

Dự án đầu tư mở rộng xưởng gia công thép Vĩnh Lộc: triển khai từ năm 2021 nhưng vì vướng nhiều thủ tục hành chính đến nay vẫn chưa xin được giấy phép xây dựng dẫn đến chậm tiến độ. Bên cạnh đó thị trường thép diễn biến không thuận lợi, cần tập trung nguồn vốn để kinh doanh, nên Công ty đang xin phép tạm dừng thực hiện dự án mở rộng xưởng gia công thép Vĩnh Lộc và sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian thích hợp.

Công tác sửa chữa tài sản cố định, máy móc thiết bị vẫn được thực hiện thường xuyên, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	1.261,6	1.144,9	90,75%
Doanh thu thuần	3.830,6	3.411,4	89,06%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	176,1	3,99	2,26%
Lợi nhuận khác	1,7	1,54	90,59%
Lợi nhuận trước thuế	177,8	5,52	3,10%
Lợi nhuận sau thuế	142,1	3,13	2,20%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	75%/VDL (*)	-	-

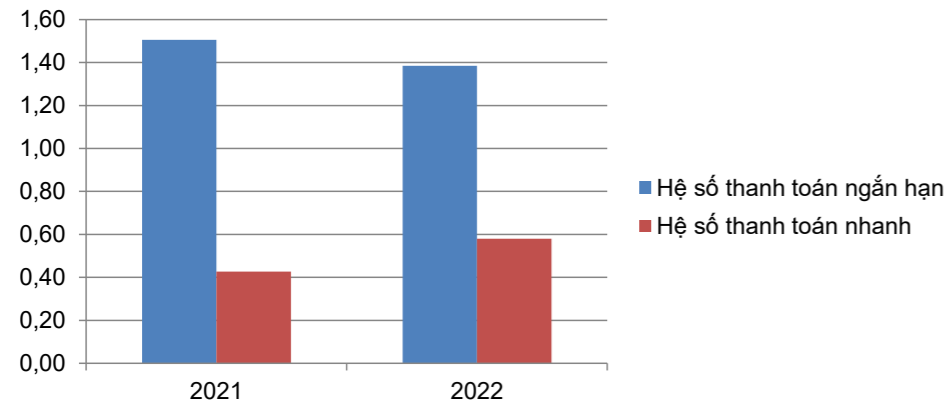
(*) Cổ tức năm 2021 được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022: 45% bằng tiền mặt, 30% bằng cổ phiếu, đã hoàn thành chi trả toàn bộ cho cổ đông trong năm 2022.

Chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,51	1,39
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,43	0,58
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	61,62	66,59
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	160,55	199,28
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	5,61	4,74
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	3,56	2,84
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,71	0,09
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	32,9	0,72
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	13,19	0,26
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	4,6	0,12

Nhận xét các chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

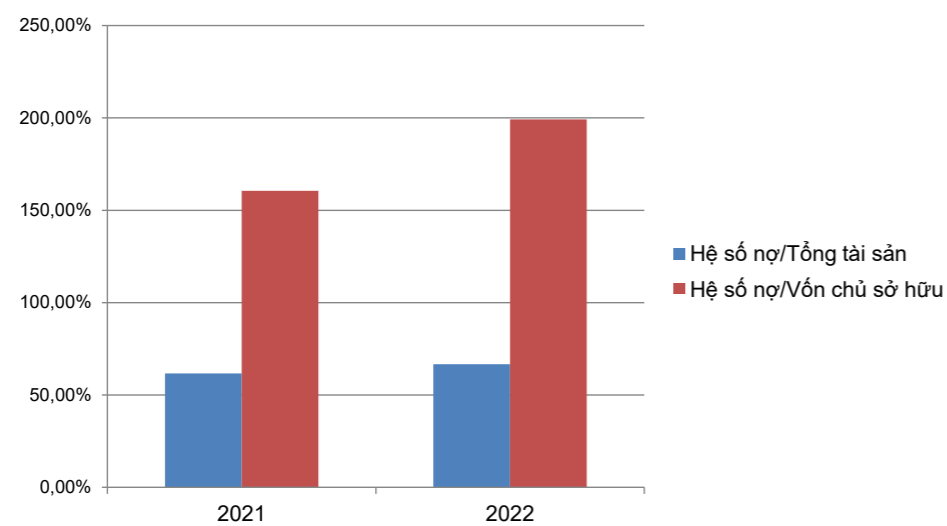


Năm 2022, Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty đã giảm nhẹ, từ mức 1,51 lần ở năm 2021 còn 1,39 lần. Nguyên nhân đến từ Công ty hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 có phần giảm so với cùng kỳ năm 2021 do cơ cấu lại chính sách mua hàng tồn kho và giá thép mua vào giảm theo giá trị trường.

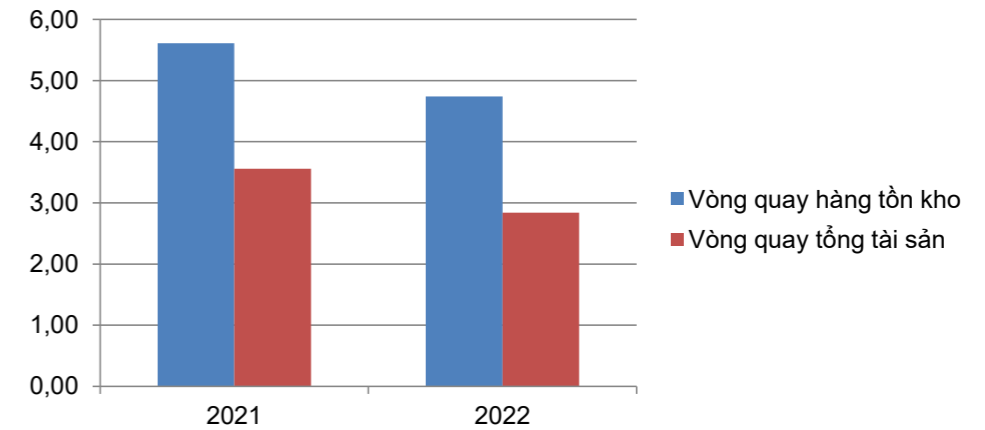
Tuy hệ số thanh toán ngắn hạn giảm, nhưng hệ số thanh toán nhanh đã tăng từ 0,43 lần ở năm 2021 lên 0,58 lần vào năm 2022.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty đã tăng lên mức 66,59% trong năm 2022 phần lớn là do sự sụt giảm của Tổng tài sản, Tổng tài sản trong năm 2022 đã giảm 116,7 tỷ so với năm 2021, tương ứng với mức giảm 9,25%. Cũng trong năm qua, Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu của Công ty tăng mạnh từ mức 160,55% vào năm 2021 lên mức 199,28% vào năm 2022. Nguyên nhân là do trong năm 2022, Công ty đã thực hiện chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông hiện hữu, nên tại ngày 31/12/2022 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước giảm so với cùng kỳ năm 2021 và lợi nhuận thực hiện trong kỳ giảm mạnh.

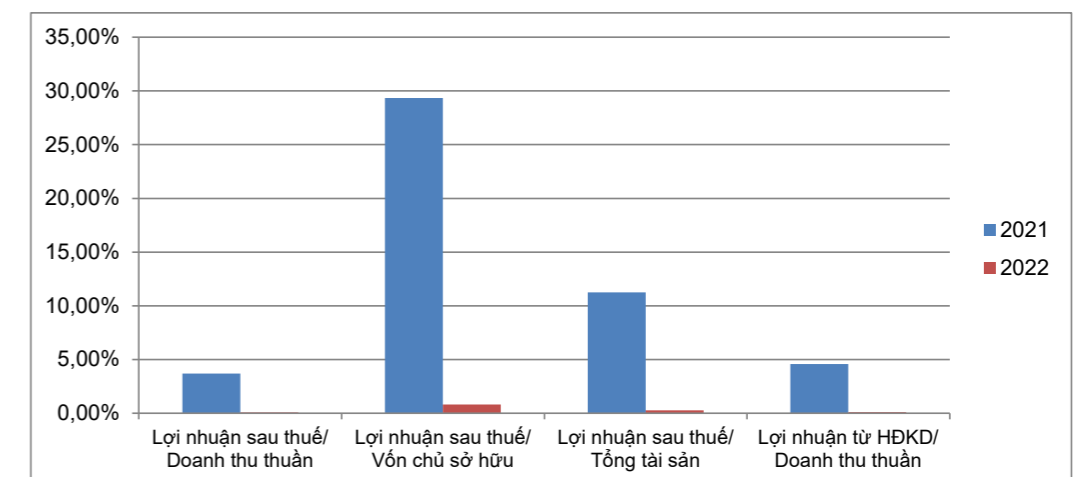


Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã giảm từ mức 5,61 vòng ở năm 2021 còn 4,74 vòng. Sự sụt giảm này do giá thép giảm, hàng hóa tiêu thụ chậm và tồn kho bình quân tăng. Đối với Vòng quay Tổng tài sản, chỉ số này giảm do Doanh thu thuần của Công ty đã giảm 10,94%, nguyên nhân là do thị trường thép trong nước và quốc tế đang gặp khó khăn, khiến cho Công ty gặp trở ngại trong hoạt động bán hàng và tổng tài sản bình quân năm 2022 tăng so với cùng kỳ năm 2021.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Các hệ số về khả năng sinh lợi của Công ty trong năm qua đã giảm mạnh so với năm 2021. Do Lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm, từ 142,1 tỷ vào năm 2021 còn 3,1 tỷ vào năm 2022.

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 27.299.999 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 27.299.999 cổ phiếu

Số lượng cổ phiếu quỹ: Không có

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: Không có

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phiếu



Danh sách cổ đông lớn

Tính tại ngày 30/12/2022

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty Thép Việt Nam	15.197.741	55,67%

Cơ cấu cổ đông

Tính tại ngày 30/12/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	15.197.741	151.977.410.000	55,67%
1	Trong nước	15.197.741	151.977.410.000	55,67%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	12.102.258	121.022.580.000	44,33%
1	Trong nước	11.856.858	118.568.580.000	43,43%
2	Nước ngoài	245.400	2.454.000.000	0,90%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		27.299.999	272.999.990.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong vòng 5 năm, từ năm 2017 đến năm 2021, Công ty vẫn giữ nguyên Vốn điều lệ là 210 tỷ đồng. Đến năm 2022, Công ty đã thực hiện tăng vốn điều lệ, cụ thể như sau:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 272.999.990.000 đồng

Vốn góp đầu kỳ: 210.000.000.000 đồng

Vốn góp tăng trong kỳ: 62.999.990.000 đồng

Vốn góp giảm trong kỳ: 0 đồng

Vốn góp cuối kỳ: 272.999.990.000 đồng

Hình thức tăng vốn: Chi cổ tức 30% bằng cổ phiếu. Nguồn tiền từ Lợi nhuận chưa phân phối từ năm 2021.

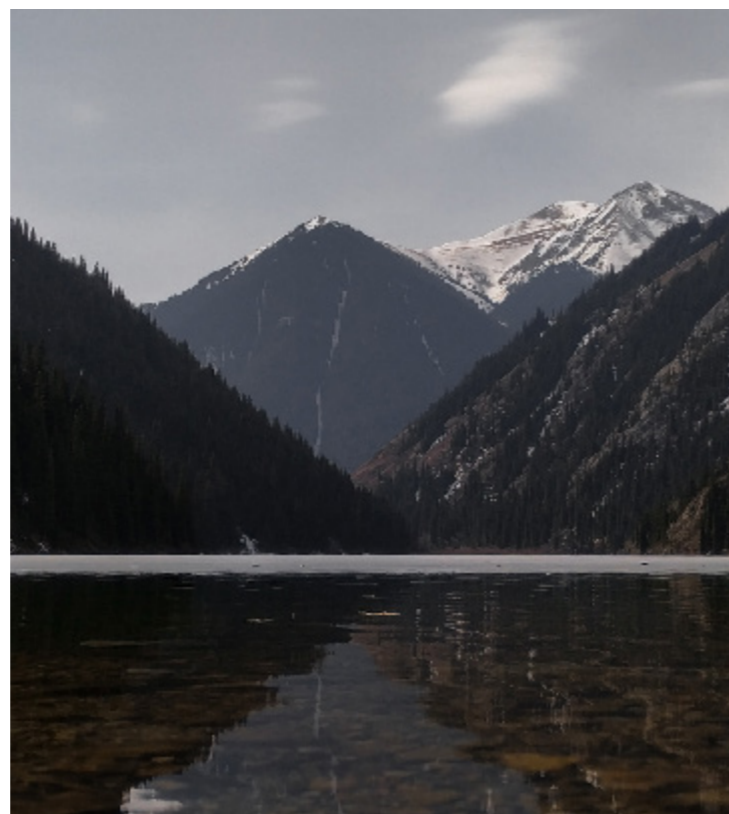
Trong năm qua, Công ty không phát sinh hoạt động giao dịch cổ phiếu quỹ và các chứng khoán khác.



Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

Tác động lên môi trường

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL là Công ty hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực thương mại, nên sự phát thải khí nhà kính ra môi trường cả trực tiếp và gián tiếp được đánh giá là không lớn. Công ty đã luôn chủ động sử dụng hiệu quả các năng lượng đầu vào nhằm giảm thiểu tác động lên môi trường một cách gián tiếp và nhằm giảm chi phí trong quá trình hoạt động. Ngoài ra, Công ty cũng có hoạt động gia công sắt thép với quy mô nhỏ và cũng được HMC kiểm soát tốt trong quá trình sản xuất nhằm giảm thiểu tác động xấu lên môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Lĩnh vực hoạt động chính của Công ty là kinh doanh sắt thép và dịch vụ cho thuê văn phòng, khai thác kho bãi và gia công sắt thép...

Trong hoạt động của Công ty, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu trong hoạt động gia công sắt thép. Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo việc sử dụng nguyên vật liệu hợp lý để không gây thất thoát, lãng phí. Phế liệu sau khi gia công được Công ty thu gom đưa vào nhà máy nấu luyện để tái chế.



Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Công ty luôn tuân thủ các quy định bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật. Quan trắc môi trường theo đúng tần suất quy định và tất cả các mẫu đều đạt yêu cầu. Thực hiện Báo cáo giám sát chất lượng Môi trường theo định kỳ 6 tháng/lần theo quy định về việc Bảo vệ Môi trường do Nhà nước Việt Nam ban hành.

Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, các chất thải được quản lý và xử lý đạt các tiêu chuẩn, qui chuẩn theo quy định.

Đối với chất thải rắn, nguy hại, Công ty thực hiện thu gom, phân loại và dán nhãn theo Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng vận chuyển, thu gom các chất thải (công nghiệp và nguy hại).

Công ty cam kết tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải có hiệu quả.

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội (tiếp theo)

Tiêu thụ năng lượng

Trực tiếp

Công ty chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ nên không sử dụng nhiều máy móc thiết bị. Điện là nguồn năng lượng mà Công ty thường sử dụng nhiều nhất trong hoạt động kinh doanh, dịch vụ. Tổng lượng điện tiêu thụ của toàn công ty trong năm 2022, bao gồm các tòa nhà, kho bãi, là 1.814.096 kwh/năm. Theo đánh giá của công ty, với mức tiêu thụ điện năng như trên là hoàn toàn phù hợp với Công ty thương mại.

Công ty luôn ý thức rõ ràng về việc sử dụng năng lượng giúp tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên bị giới hạn ngày càng nhiều, vừa cắt giảm được nguồn chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Công ty cũng khuyến khích nhân viên có ý thức tiết kiệm điện: tắt đèn, quạt, máy lạnh,... khi không cần thiết sử dụng; thay thế, sửa chữa các thiết bị đã hư hại; sử dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hưởng ứng giờ trái đất,... góp phần nhỏ vào công cuộc chung tay vào bảo vệ nguồn năng lượng.

Gián tiếp

Việc vận chuyển sản phẩm, hàng hóa nhập về hoặc giao đi đến khách hàng được Công ty sử dụng đến dịch vụ thuê ngoài với số lượng lớn cho một lần di chuyển nên chi phí xăng dầu cho tính cho phần này là không đáng kể. Các lượt đi lại của nhân viên được kết hợp trong các chuyến đi theo vùng địa lý và kết hợp với công việc từng lần, chi phí cho hoạt động này cũng không lớn và được Công ty trình bày như trên.



Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên có sẵn trong thiên nhiên nhưng không vô tận. Chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết. Ngoài việc tiết kiệm chi phí cho Công ty, tiết kiệm nước còn giúp ngăn ngừa cạn kiệt nguồn nước ngầm, ngăn ngừa ô nhiễm nước ở các lưu vực và gián tiếp tiết kiệm điện năng sản xuất ra nước sạch. Nguồn nước Công ty sử dụng là từ nước thủy cục của thành phố, không sử dụng nước ngầm. Tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt vào năm 2022 là 10.287 m³. Công ty đã có những biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế sử dụng nước lãng phí trong Công ty, vì vậy lượng nước tiêu thụ ổn định qua các năm.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài tập trung quá trình hoạt động kinh doanh chính, Ban lãnh đạo Công ty cũng luôn chú ý đến đời sống của cộng đồng địa phương ở xung quanh. Thông qua các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho các hoàn cảnh khó khăn, Công ty không chỉ san sẻ bớt những khó khăn mà họ gặp phải mà cũng đem lại hình ảnh đẹp cho Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã tuyển dụng các lao động tại địa phương nhằm tận dụng nguồn lao động tại chỗ và tạo công ăn, việc làm cho họ.

Báo cáo và đánh giá của ban Tổng Giám đốc

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Tình hình thị trường

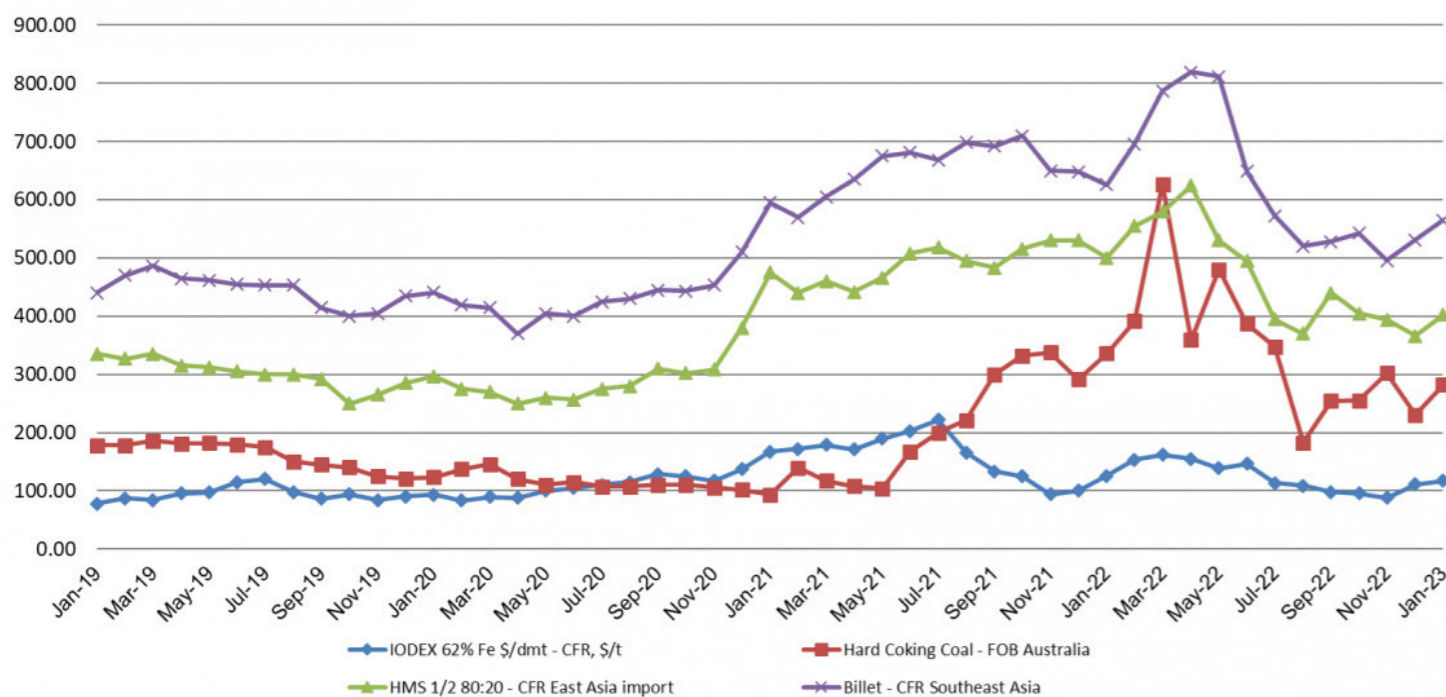
Thị trường thép thế giới

Trong năm 2022, giá thép thế giới biến động theo 2 giai đoạn trái chiều nhau: giá liên tục tăng mạnh trong nửa cuối Quý I trước khi quay đầu giảm sâu và kéo dài từ Quý II đến nửa đầu Quý IV/2022.

Sau khi xung đột giữa Nga và Ukraine diễn ra vào cuối tháng 2, giá thép đã bắt đầu tăng mạnh và liên tục đến tháng 3/2022. Tuy nhiên đà tăng đã bị chặn đứng khi dịch bệnh covid-19 bùng phát mạnh tại Trung Quốc và Trung Quốc tiếp tục kiên định với chính sách zero covid, nhu cầu tiêu thụ thép bắt đầu suy giảm. Thêm vào đó, do tình hình chiến sự kéo dài; Mỹ, Anh và châu Âu gia tăng các lệnh trừng phạt Nga, căng thẳng tiếp tục leo thang và chưa cho thấy dấu hiệu hạ nhiệt. Nền kinh tế thế giới suy yếu khi tỷ lệ lạm phát cao, đồng đô la Mỹ tăng mạnh so với đồng nội tệ của các nước. Nhu cầu tiêu thụ thép trên thế giới đã giảm liên tục từ QII đến nay. Nhiều nhà máy trên thế giới trong đó có cả Việt Nam đã cắt giảm sản lượng để cân đối lại cung-cầu.

Từ cuối tháng 11/2022, Trung Quốc dần nới lỏng chính sách zero covid làm giá cả thị trường có xu hướng tăng trở lại. Đầu tháng 1/2023, giá chào HRC SS400 3-12mm quanh mức 600\$/tấn CFR VN. Tuy nhiên, mức giá này vẫn thấp hơn mức giá đỉnh đầu tháng 3/2022 khoảng 300\$/tấn.

DIỄN BIẾN GIÁ NGUYÊN LIỆU SẢN XUẤT THÉP



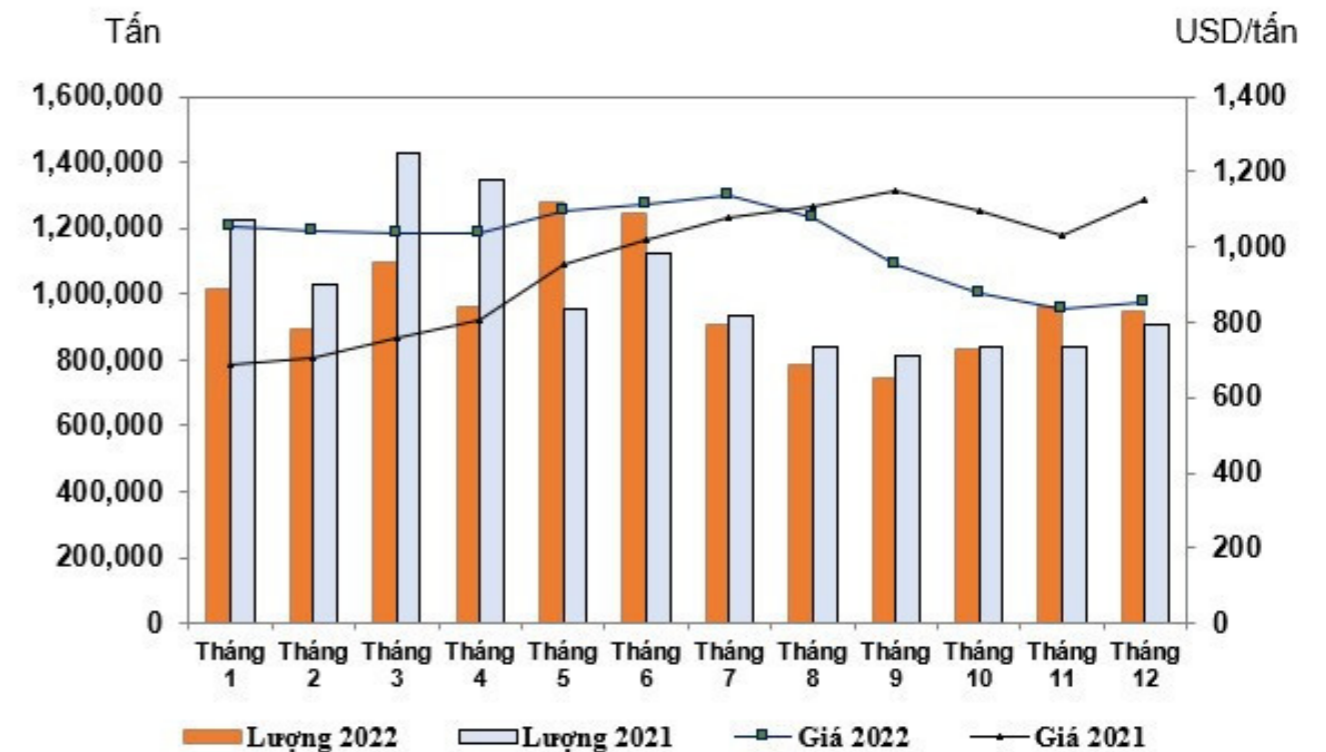
Thị trường thép trong nước

Đối với mặt hàng thép nhập khẩu: luôn chịu nhiều ảnh hưởng từ xu hướng giá thép thế giới cộng với nhu cầu thép trong nước. Nhu cầu trong nước những ngày sau Tết âm lịch đã tích cực và sôi động hơn, cộng với đà tăng của giá thép thế giới, giá thép trong nước đặc biệt tăng mạnh trong nửa đầu tháng 3/2022. Kể từ tháng 4/2022, nhu cầu trong nước quay đầu giảm kéo dài cho đến nay. Việc giải ngân vốn đầu tư công vẫn còn chậm, hạn mức tín dụng ngân hàng bị siết chặt làm nguồn vốn kinh doanh của các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn.

Hiện tại, giá trong nước tháng cuối năm cũng bắt đầu nhích dần lên theo giá thế giới, tuy nhiên nhu cầu thực sự vẫn chưa khởi sắc khi lãi suất cho vay vẫn còn cao.

Đối với thép xây dựng: giá thép xây dựng cũng biến động tăng giảm liên tục nhiều đợt trong năm, nhưng xu hướng giảm nhiều hơn. Tình hình càng khó khăn hơn khi đầu tháng 10/2022, nhiều nhà máy sản xuất trong nước buộc phải cắt giảm công suất và sản xuất cầm chừng do thị trường tiêu thụ chậm, cạnh tranh gay gắt giữa các nhà sản xuất, nguồn nguyên liệu giá cao, tồn kho ngoài thị trường lớn. Đầu tháng 12/2022, giá thép xây dựng đồng loạt tăng khoảng 200đ/kg nhưng thực tế nhu cầu không cao, các đại lý, nhà phân phối trong nước vẫn hoạt động mua bán cầm chừng với tâm lý thăm dò.

Diễn biến lượng và giá thép nhập khẩu vào Việt Nam năm 2022



Nguồn: VITIC tính toán từ số liệu của TCHQ, VSA

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Về hoạt động kinh doanh

Năm 2022 thực sự là năm khó khăn của kinh tế thế giới nói chung cũng như của thị trường thép nói riêng. Do giá cả đã tăng nhanh, mạnh trong thời gian ngắn, sau đó đột ngột giảm sâu trong thời gian dài cùng với nhu cầu tiêu thụ liên tục giảm mạnh làm cho việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn; đặc biệt đối với ngành hàng thép nhập khẩu khi giá thị trường đã giảm 300\$/tấn so với mức giá đỉnh vào tháng 3/2022. Giá liên tục giảm dẫn đến giá mua trước luôn cao hơn giá thị trường tại thời điểm hàng về; thêm vào đó, giá trong nước thường thấp hơn giá chào hàng nhập khẩu tại cùng thời điểm.

Tuy nhiên, các mặt hàng kinh doanh chính của công ty vẫn duy trì và tăng trưởng, cụ thể như sau:

- Thép nhập khẩu: 56.453 tấn (đạt 100% so với năm 2021 và đạt 70% so với KH năm 2022).
- Thép xây dựng: 124.777 tấn (đạt 133% so với năm 2021 và đạt 113% so với KH năm 2022). Lần đầu tiên thép xây dựng tiêu thụ vượt qua 100.000 tấn. Công ty đa dạng hóa nguồn hàng, chủng loại để bảo đảm hiệu quả chung và giữ khách hàng. Trong đó Thép Miền Nam và Thép Vina Kyoei vẫn là phần kinh doanh chủ đạo. Công ty đã đứng vào top 3, top 5 nhà phân phối Thép Miền nam và Vina Kyoei. Đồng thời là nhà phân phối tăng trưởng cao nhất năm 2022 (Thép Miền Nam tăng trưởng 25%, Thép Vina Kyoei tăng trưởng gần 45%).
- Phôi, phế liệu: 14.980 tấn (đạt 12% so với năm 2021 do công ty chủ động giảm sản lượng theo kế hoạch đầu năm và đạt 125% so với KH năm 2022).



Về kinh doanh bất động sản

Tình hình khai thác tòa nhà năm 2022 nhìn chung vẫn ổn định, công ty có nhiều chính sách hỗ trợ khách hàng, tuy nhiên vẫn có khách hàng do điều kiện kinh doanh phải thu hẹp diện tích thuê. Tổng doanh thu cho thuê văn phòng và dịch vụ đi kèm của hai tòa nhà là 57,47 tỷ đồng, tăng 11,31% so với năm 2021. Doanh thu cho thuê kho bãi đạt gần 13,2 tỷ đồng, tương đương so với năm 2021.

Về quản lý tài chính

Năm 2022, Ngân hàng Nhà nước tăng cường siết room tín dụng, điều tiết dòng tiền thông qua lãi suất, tác động không nhỏ đến công tác tài chính tín dụng của Công ty. Từ quý III/2022, lãi suất vay cùng với tỷ giá VND/USD tăng cao, việc cân đối phân bổ giải ngân tín dụng giữa các ngân hàng càng được chú trọng và linh hoạt hơn. Công ty đã cân đối hợp lý vốn vay và vốn tự có, tăng cường quản trị dòng tiền, cân đối nguồn tiền để chi trả cổ tức bằng tiền mặt 94,5 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước 50 tỷ đồng (vụ án khu đất số 8-12 Lê Duẩn) và đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho kinh doanh của Công ty. Công ty tiếp tục duy trì quan hệ tín dụng với nhiều ngân hàng để được hưởng những chính sách ưu đãi nhất của từng ngân hàng.

Công tác quản lý công nợ được quan tâm đặc biệt, triển khai nhiều biện pháp nhằm kiểm soát nợ phải thu của khách hàng và hạn chế công nợ khó đòi.



Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	1.136,2	90,06%	1.023,6	89,40%	90,01%
Tài sản dài hạn	125,4	9,94%	121,3	10,6%	96,73%
Tổng tài sản	1.261,6	100%	1.144,9	100%	90,75%

Tổng tài sản của Công ty đã giảm 9,25% so với năm 2021. Phần lớn là do giá trị hàng tồn kho tại ngày 31/12/2022 của Công ty giảm 26,95% so với cùng kỳ năm 2021.

Tài sản ngắn hạn của Công ty tại ngày 31/12/2022 giảm 9,99% so với cùng kỳ năm 2021 và vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty chỉ giảm nhẹ, xu hướng biến động không nhiều, chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định.

Tình hình tài sản ngắn hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	20,79	1,83%	51,32	5,01%	246,85%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,50	0,84%	9,50	0,93%	100,00%
Các khoản phải thu ngắn hạn	286,49	25,21%	334,04	32,62%	116,60%
Hàng tồn kho	814,21	71,66%	594,82	58,11%	73,04%
Tài sản ngắn hạn khác	5,22	0,46%	33,91	3,31%	649,45%
Tổng cộng	1.136,22	100,00%	1.023,59	100,00%	90,09%

Tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2022 đạt 90,09% so với năm 2021. Trong đó, phần giảm lớn nhất đến từ Hàng tồn kho của Công ty, đã giảm 219,39 tỷ đồng trong năm 2022 so với năm 2021. Nguyên nhân là do giá thép có biến động phức tạp, có chiều hướng đi xuống và nhu cầu thép trong nước cũng không còn cao, nên Công ty đã giảm lượng hàng tồn kho để phù hợp với nhu cầu của thị trường. Do nhu cầu tiêu thụ giảm, nên Công ty cũng đã thay đổi chính sách bán hàng nhằm cải thiện doanh thu, do đó Các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty trong năm 2022 đã tăng 116,60% so với năm 2021. Tài sản ngắn hạn khác tăng mạnh chủ yếu là do Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ và Thuế và các khoản phải thu Nhà nước đã tăng lên so với năm 2021.

Tình hình tài sản dài hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	0,1	0,08%	0,16	0,13%	158,98%
Tài sản cố định	24,96	19,91%	29,91	24,67%	119,83%
Bất động sản đầu tư	77,11	61,50%	72,27	59,59%	93,72%
Tài sản dở dang dài hạn	0,21	0,17%	0,67	0,55%	315,50%
Đầu tư tài chính dài hạn	23,00	18,34%	18,26	15,05%	79,39%
Tài sản dài hạn khác	-	-	-	-	-
Tổng cộng	125,38	100,00%	121,27	100,00%	96,73%

Nhìn chung, Tài sản dài hạn của Công ty không có quá nhiều thay đổi trong năm 2022 so với năm 2021. Trong đó, phần đáng chú ý nhất là giá trị của Bất động sản đầu tư của Công ty đã giảm khoản 4,84 tỷ đồng do khấu hao tại hai tòa nhà 193, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 189, Đường Nguyễn Thị Minh khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Các chỉ tiêu khác chiếm tỷ trọng nhỏ và không có nhiều biến động.

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	2021		2022		2022/2021
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	754,5	97,05%	739,0	96,94%	97,95%
Nợ dài hạn	22,9	2,95%	23,3	3,06%	101,58%
Tổng nợ phải trả	777,4	100%	762,3	100%	98,06%

Nhìn chung, cơ cấu Nợ dài hạn và Nợ ngắn hạn của Công ty không thay đổi nhiều trong năm vừa qua. Trong cơ cấu Nợ ngắn hạn của Công ty, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty đã tăng từ 193,8 tỷ ở năm 2021 lên 468,2 tỷ vào năm 2022, và Phải trả ngắn hạn khác đã giảm còn 47,8 tỷ từ mức 261,9 tỷ vào năm 2021, điều này tác động khá lớn đến chi phí tài chính của Công ty trong tương lai.

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Trong năm qua, Công ty tiếp tục duy trì cơ cấu tổ chức như những năm trước do sự hiệu quả trong hoạt động. Các chính sách quản lý cũng được giữ vững, hoàn thiện và tiếp tục hỗ trợ tích cực cho công tác điều hành của Ban Giám đốc. Ngoài ra, Công ty đã kiểm soát tốt các loại chi phí, lên kế hoạch và dự báo về giá các loại nguyên vật liệu liên quan hoạt động thương mại của Công ty, qua đó giúp cho Công ty tránh được nguy cơ thua lỗ trong năm 2022.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo

Thị trường thép thế giới

Kinh tế thế giới tiếp tục bất ổn khi cuộc chiến tranh giữa Nga và Ukraine ngày càng căng thẳng. Tình trạng lạm phát cao sẽ đẩy nền kinh tế của nhiều nước rơi vào suy thoái trong năm 2023. Điều này ảnh hưởng rất nhiều đến thị trường thép thế giới.

Nhu cầu thị trường tiếp tục là ẩn số. Là nhà sản xuất và tiêu thụ thép lớn của thế giới, Trung Quốc đã đưa ra nhiều chính sách để phục hồi nền kinh tế, trong đó giải cứu ngành bất động sản. Trung Quốc cũng dần mở cửa với thế giới khi nới lỏng chính sách zero covid. Tuy nhiên, các chính sách cũng cần có thời gian để thực thi và niềm tin của người tiêu dùng. Giá thép Trung Quốc liên tục điều chỉnh tăng/giảm trong tháng 1 và tháng 2/2023 thể hiện thị trường thép năm 2023 tiếp tục khó dự đoán.

Thị trường thép trong nước

Tình trạng thiếu hụt nguồn vốn kinh doanh vẫn đang là bài toán nan giải đối với thị trường trong nước. Tiến độ giải ngân của các dự án còn chậm. Bên cạnh đó, lãi suất cho vay tăng làm cho các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi tiếp cận nguồn vốn vay.

Ảnh hưởng chung của thị trường thép thế giới khi giá cả nhiều phiên tăng giảm không ổn định với biên độ lớn, tâm lý thị trường trong nước tiếp tục dè dặt trước những biến động của giá thép.

Tỷ giá biến động tiếp tục ảnh hưởng nhiều đến ngành hàng thép nhập khẩu.



Kế hoạch hoạt động năm 2023

Kinh doanh chủ đạo vẫn dựa trên 3 trụ cột chính là thép nhập khẩu, thép xây dựng và kinh doanh dịch vụ kho bãi và tòa nhà. Tuy nhiên, các trụ cột này sẽ có sự linh hoạt hơn về mặt hàng kinh doanh, theo nhu cầu thực tế của thị trường và đảm bảo an toàn, lâu dài cho sự phát triển của Công ty.

Các chỉ tiêu tài chính

- Doanh thu: 3.325 tỷ đồng
- Sản lượng tiêu thụ: 214.000 tấn
- Lợi nhuận sau thuế: 20 tỷ đồng
- Cổ tức: 5% Vốn điều lệ

Kế hoạch đầu tư

Đầu tư nhà kho tại thị trường Miền Tây với giá trị dự kiến 60 tỷ đồng, thời gian thực hiện từ năm 2023 đến năm 2024.

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc hoàn toàn đồng ý với những ý kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên. Ban Giám đốc cũng không có ý kiến giải trình thêm.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc thấy các hoạt động liên quan đến môi trường của Công ty đúng với kế hoạch mà Ban Tổng Giám đốc đề ra, hoạt động theo đúng quy định, chủ trương của Chính phủ và phù hợp với xu hướng của thế giới hiện tại. Công ty đã xử lý tốt các chất thải trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, không gây ảnh hưởng đến cảnh quan, môi trường và đời sống của dân cư xung quanh. Các sản phẩm của Công ty cũng đã đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về chất lượng và hoàn toàn thân thiện với môi trường.



Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chúng tôi đánh giá các hoạt động liên quan đến chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt. Công ty đã tạo điều kiện làm việc an toàn, môi trường lành mạnh cho các công nhân viên và người lao động. Các hoạt động liên quan đến đào tạo, bổ sung kiến thức cho người lao động là kịp thời và chu đáo. Ngoài ra các vấn đề liên quan đến quyền lợi như lương, thưởng, đãi ngộ, chính sách lao động, bảo hiểm y tế,... cũng được chúng tôi đánh giá cao.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với là cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động từ thiện, hỗ trợ, tài trợ cho những gia đình, tổ chức gặp khó khăn đã không chỉ thể hiện một hình ảnh tốt đẹp của chính Công ty mà còn thể hiện Công ty là một chỗ dựa vững chắc cho các cộng đồng địa phương. Công ty cũng tuyển dụng các lao động tại địa phương nhằm tạo công ăn việc làm cho họ.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Những mặt làm được:

- Công ty hoạt động tuân thủ theo các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ công ty và các Quy chế, qui định của công ty.
- Năm 2022 thực sự là năm khó khăn của kinh tế thế giới nói chung cũng như của thị trường thép nói riêng. Do giá cả đã tăng nhanh, mạnh trong thời gian ngắn, sau đó đột ngột giảm sâu trong thời gian dài cùng với nhu cầu tiêu thụ liên tục giảm mạnh làm cho việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn. Mặc dù sản lượng tiêu thụ không đạt kế hoạch năm nhưng các mặt hàng kinh doanh chính của công ty vẫn duy trì và tăng trưởng, thép nhập khẩu tăng 1% so với cùng kỳ năm 2021, thép xây dựng tăng 31% so với cùng kỳ năm 2021.
- Quản lý và khai thác có hiệu quả diện tích văn phòng, kho bãi của công ty, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty.
- Kiểm soát tốt công nợ. Tiếp tục có các giải pháp để xử lý, thu hồi các khoản công nợ khó đòi tồn đọng từ những năm trước.
- Bảo đảm việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động.

Những mặt chưa làm được và nguyên nhân:

- Các chỉ tiêu sản lượng, lợi nhuận chưa đạt mục tiêu do ĐHĐCĐ giao. Nguyên nhân do thị trường thép đã liên tục giảm mạnh và kéo dài từ tháng 4/2022 đến nay; việc giải ngân vốn đầu tư công còn rất chậm, các ngân hàng siết chặt tín dụng; nhu cầu tiêu thụ trong nước giảm sút nghiêm trọng và kéo dài đã ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ và lợi nhuận của công ty.
- Chưa hoàn thành đầu tư mở rộng xưởng gia công thép tại Vĩnh Lộc. Nguyên nhân do diễn biến thị trường thép không thuận lợi và công ty tập trung nguồn vốn vào hoạt động kinh doanh chính nên chủ động dừng thực hiện dự án và sẽ tiếp tục triển khai khi điều kiện thuận lợi.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành Công ty

- Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban TGD qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ. Chủ tịch HĐQT tham gia các cuộc họp giao ban và một số cuộc họp quan trọng của Công ty.
- Ban TGD đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động, linh hoạt bám sát các Nghị quyết của Hội đồng quản trị triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.
- Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực bám sát tình hình thị trường đề ra các giải pháp hợp lý, hiệu quả trong công tác quản lý, kinh doanh thép nhập khẩu, thép xây dựng; quản lý và khai thác cho thuê tòa nhà, kho bãi; công tác quản trị tài chính, công tác quản lý nợ.
- Ban TGD đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tháng, họp bất thường khi có phát sinh, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các giải pháp giải quyết ngay trong cuộc họp.
- HĐQT đánh giá cao những nỗ lực của Ban điều hành trong năm 2022, mặc dù thị trường thép diễn biến không thuận lợi, Ban TGD đã chủ động thực hiện nhiều giải pháp tích cực mang lại hiệu quả cho hoạt động kinh doanh của Công ty.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật và điều lệ Công ty quy định:

- Chỉ đạo triển khai thực hiện thành công kế hoạch kinh doanh năm 2023 theo nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Bám sát tình hình kinh tế trong nước, thế giới và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Trên cơ sở đó phân tích, đánh giá để kịp thời có quyết sách chỉ đạo, định hướng cho Ban điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả cao nhất.
- Tập trung kinh doanh các ngành hàng truyền thống; nâng cao giá trị gia tăng của các hàng hóa Công ty cung cấp ra thị trường.
- Chỉ đạo tăng cường công tác kiểm tra giám sát phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn vốn. Chú trọng quản trị tài chính, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.
- Chỉ đạo việc bổ sung sửa đổi Điều lệ và các quy chế quy định quản trị Công ty phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình thực tế của Công ty.
- Thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL để tập trung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chính.
- Từng bước áp dụng chuyển đổi số trong công tác quản trị, điều hành công ty.
- Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.



Quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT Công ty... Tại các cuộc họp thường kỳ, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho thời gian tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Định kỳ, Ban Giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

Hội đồng quản trị kịp thời chỉ đạo và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc giải quyết nhanh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2022 Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 kỳ họp để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 4 và năm 2021; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 1 và năm 2022;
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 1 năm 2022, phương hướng nhiệm vụ công tác quý 2 năm 2022; quyết toán quỹ lương năm 2021; giao dịch với người có liên quan của cổ đông lớn
- Bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 3 năm 2022. Thông qua quỹ lương kế hoạch năm 2022, Bổ sung kế hoạch đầu tư mua sắm, nâng cấp tài sản cố định năm 2022.
- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022; phương hướng nhiệm vụ công tác quý 4 năm 2022.
- Phê duyệt việc vay vốn các ngân hàng Vietinbank, Vietcombank, VP Bank...

Ngoài các cuộc họp định kỳ, để tiết kiệm thời gian và chi phí, nhiều nội dung khác đã được HĐQT quyết định thông qua việc lấy ý kiến các thành viên bằng thư điện tử.

Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Công ty hiện có 01 thành viên HĐQT độc lập là ông Phạm Mạnh Hùng, thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của công ty và các văn bản pháp luật hiện hành đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Tham gia công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phù hợp với các qui định pháp luật hiện hành; Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của công ty.
- Trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thực hiện chính sách lương, thưởng của công ty.

Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT Công ty

Về việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định. Thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ.

Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, tham gia ý kiến, thông qua các chủ trương, nhiệm vụ giao cho Ban điều hành thực hiện.

Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị đã thực hiện và chỉ đạo ban điều hành hoàn thành tốt các nhiệm vụ ĐHCĐ đề ra trong năm 2022; tuân thủ điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty. Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các chiến lược giải pháp phù hợp từng giai đoạn cho Công ty.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Trung Toàn	8	100%	-
2	Võ Trí Nghĩa	8	100%	-
3	Trương Bá Liêm	6	75%	Đi nước ngoài
4	Cù Thị Thùy Linh	8	100%	-
5	Phạm Mạnh Hùng	8	100%	-

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
1	07/NQ-KK	21/1/2022	Về đánh giá kết quả kinh doanh Q4 và năm 2021; nhiệm vụ trọng tâm Q1 và năm 2022
2	17/NQ-KK	15/2/2022	Về chốt danh sách cổ đông dự ĐHĐCĐ thường niên năm 2022
3	32/NQ-KK	22/2/2022	Chấp thuận giao dịch của Công ty với các Công ty có liên quan
4	33/NQ-KK	22/2/2022	Ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng
5	38/NQ-KK	17/3/2022	Xử lý nợ không có khả năng thu hồi
6	42/NQ-KK	28/3/2022	Thay đổi nhân sự đại diện vốn Cty tại Cty CP Thép Tấm lá Thống Nhất
7	48/NQ-KK	5/4/2022	Phê duyệt thiết kế thi công- Dự toán nhà xưởng thuộc Dự án Vĩnh Lộc
8	58/NQ-KK	20/4/2022	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1 năm 2022; nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2022
9	59/NQ-KK	20/4/2022	Chấp thuận giao dịch với người có liên quan của cổ đông lớn
10	63/QĐ-K.K	26/4/2022	Phê duyệt hồ sơ mời thầu (E-HSMT) - thi công XD nhà xưởng thuộc DA Vĩnh Lộc
11	64/QĐ-KK	28/4/2022	Bổ sung sửa đổi quy chế quản lý kinh doanh
12	67/QĐ-KK	10/5/2022	Phê duyệt điều chỉnh dự toán các khoản mục chi phí Dự án Vĩnh Lộc
13	72/NQ-KK	17/5/2022	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021

STT	Số NQ/ QĐ	Ngày	Nội dung
14	73/QĐ-KK	18/5/2022	Phê duyệt hồ sơ mời thầu - gói thầu cung cấp lắp đặt cầu trục thuộc DA Vĩnh Lộc
15	81/QĐ-KK	30/5/2022	Phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu - gói thầu XD DA Vĩnh Lộc
16	83/NQ-KK	6/6/2022	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022
17	84/NQ-KK	6/6/2022	Ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng
18	85/NQ-KK	8/6/2022	Về chốt danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2021
19	88/NQ-KK	9/6/2022	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ
20	89/QĐ-KK	9/6/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
21	92/QĐ-KK	9/6/2022	Thông qua giao dịch với ngân hàng BIDV
22	111/QĐ-KK	21/6/2022	Thông qua kế hoạch kiểm toán nội bộ
23	112/QĐ-KK	29/6/2022	Miễn nhiệm chức danh kế toán trưởng
24	114/QĐ-KK	05/07/2022	Thay đổi vốn điều lệ Công ty
25	119/NQ-KK	12/07/2022	Thông qua việc đăng ký và niêm yết chứng khoán tăng thêm sau đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021
26	120/NQ-KK	12/07/2022	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2022; nhiệm vụ trọng tâm quý 3 năm 2022
27	134/QĐ-KK	10/08/2022	Phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư mua sắm, nâng cấp TSCĐ tại kho Linh Trung Thủ Đức
28	164/NQ-KK	11/10/2022	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2022; nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2022
29	170/QĐ-KK	01/11/2022	Bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc
30	173/NQ-KK	08/11/2022	Điều chỉnh kế hoạch tiền lương năm 2022
31	175/QĐ-KK	14/11/2022	Miễn nhiệm và chấm dứt hợp đồng lao động đối với Phó Tổng Giám đốc Công ty
32	188/QĐ-KK	08/12/2022	Phê duyệt danh sách quy hoạch cán bộ do HĐQT quản lý

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

- Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2022 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2021. Thẩm định các báo cáo tài chính quý năm 2022 của Công ty, qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty.
- Giám sát công tác quản lý công nợ và tình hình thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.
- Phối hợp cùng các phòng chức năng kiểm tra hoạt động kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc.
- Năm 2022, Ban kiểm soát đã tổ chức hai cuộc họp với nội dung chính là: đánh giá hoạt động năm 2021, thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2022 của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát thực hiện việc trao đổi, lấy ý kiến các thành viên qua thư điện tử để thống nhất nội dung các báo cáo khác. Nội dung các kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm 2022 tập trung vào vấn đề kiểm soát công nợ, hoạt động bán hàng trả chậm, công tác quản lý dòng tiền,...

Hoạt động của Ban kiểm soát (tiếp theo)

Kết quả kiểm tra và giám sát

Về kết quả kinh doanh năm 2022

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến đánh giá của Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty.

Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá tại báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình, kết quả hoạt động năm 2022 của Công ty.

Năm 2022, giá thép giảm liên tục và kéo dài, sản lượng tiêu thụ của Công ty cũng giảm dẫn đến doanh thu thuần giảm 10,94% so với năm trước.

Giá thép liên tục giảm dẫn đến giá bán trên thị trường trong nước luôn thấp hơn giá hàng nhập về tới Việt Nam cùng thời điểm. Ngành hàng thép nhập khẩu, vốn là ngành chủ lực tạo ra lợi nhuận, gặp nhiều khó khăn. Tốc độ giảm giá vốn chậm hơn tốc độ giảm giá bán nên lợi nhuận gộp từ bán hàng của Công ty giảm mạnh.

Chi phí tài chính của công ty tăng mạnh 525,07%, xuất phát từ chi phí lãi vay tăng do lãi suất vay và dư nợ vay tăng; lỗ chênh lệch tỷ giá tăng và khoản trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tăng so với năm trước.

Tuy tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giảm mạnh so với năm trước, trong đó các khoản mục phí được tiết giảm là chi phí nhân công giảm mạnh theo lợi nhuận thực hiện và khoản hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Kết quả kinh doanh năm 2022, Công ty chỉ đạt 3,127 tỷ đồng lợi nhuận sau thuế tương ứng với giảm 97,8 % so với năm trước.

Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban điều hành và các cổ đông

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý cung cấp thông tin, tạo điều kiện trong việc thực thi nhiệm vụ của Ban kiểm soát.

Trưởng ban kiểm soát tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban hàng tháng và một số cuộc họp khác của Công ty.

Ban Kiểm soát đã đóng góp ý kiến về một số vấn đề trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty. Các kiến nghị của Ban Kiểm soát đã được HĐQT và Ban điều hành ghi nhận và xem xét.

Năm 2022 Ban kiểm soát không nhận được yêu cầu, kiến nghị nào từ cổ đông.

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã bám sát tình hình hoạt động của Công ty. Hàng quý, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Năm 2022, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT, thực hiện nhiều giải pháp quản lý nhằm cải thiện hoạt động của Công ty, điều hành kinh doanh linh hoạt trong thị trường biến động, tăng cường công tác quản lý công nợ... Tuy nhiên, tình hình khó khăn chung của ngành thép khi giá giảm mạnh và kéo dài trong khi nhu cầu tiêu thụ yếu đã dẫn đến sản lượng bán ra của Công ty chưa đạt kế hoạch và lợi nhuận cũng giảm mạnh.

Ban Tổng giám đốc đã thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Giao dịch với người có liên quan

Giao dịch giữa công ty với các Công ty có liên quan trong hệ thống Tổng công ty Thép Việt Nam CTCP đã được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền và được công bố thông tin kịp thời.

Giá mua bán trong các giao dịch trên là giá thỏa thuận theo thời điểm.

Giá trị giao dịch với các Công ty có liên quan được trình bày đầy đủ tại báo cáo tài chính và báo cáo tình hình quản trị năm 2022 của Công ty.



Hoạt động của Ban kiểm soát (tiếp theo)

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Hoàng Lê Ánh	2	100%
2	Đoàn Thị Thanh Thủy	2	100%
3	Trương Thị Tuyết	2	100%

Kiến nghị của Ban kiểm soát

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành lưu ý các vấn đề sau:

- Tiếp tục tăng cường việc kiểm soát doanh thu, chi phí của Công ty. Tập trung kiểm soát tốt dòng tiền để tiết kiệm chi phí tài chính.
- Tăng cường việc phân tích, dự báo để lựa chọn mặt hàng kinh doanh và thời điểm mua bán hợp lý; tăng cường công tác quản lý hàng tồn kho và cân đối nhu cầu dự trữ phù hợp.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản lý, thu hồi công nợ và hạn chế phát sinh các khoản nợ xấu mới.
- Tập trung rà soát, sửa đổi các quy chế quản lý cho phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và những yêu cầu từ thực tế hoạt động của Công ty nhằm phòng ngừa và hạn chế rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.



Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo qui định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nội dung khác theo nghị quyết của ĐHCĐ, nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện Quy chế quản lý kinh doanh, tài chính, công nợ của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2022, các báo cáo tài chính hàng quý năm 2023 của Công ty. Hàng quý lập báo cáo đánh giá hoạt động trong kỳ và đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị (nếu cần).
- Tham gia góp ý việc xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý của Công ty.



Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng giám đốc

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích năm 2022

Tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao (đồng)
Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	794.090.000
Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	772.430.000
Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT	60.000.000
Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	60.000.000
Phạm Mạnh Hùng	Thành viên độc lập của HĐQT	60.000.000
Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	545.000.000
Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	44.000.000
Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000
Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	621.676.696
Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	447.685.666
Lê Thị Nguyệt (*)	Phó Tổng Giám đốc	89.710.000
Nguyễn Thị Hồng Mây (**)	Kế toán trưởng	-

(*) Bà Lê Thị Nguyệt được bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc từ 01/11/2022.

(**) Bà Nguyễn Thị Hồng Mây được bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng vào năm 2023.

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Người thực hiện	Chức vụ	Sở hữu đầu kỳ		Sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
		Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
Đoàn Thị Thanh Thúy	TV BKS	9.850	0,05%	2.730	0,01%	Bán
Trần Anh Dũng	Chồng bà Đoàn Thị Thanh Thúy	27.070	0,13%	19.110	0,07%	Bán

Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan

STT	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
1	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	1.599.149.506	32/NQ-KK 22/02/2022
2	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel	921.188.280	32/NQ-KK 22/02/2022
3	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	4.195.726.483	32/NQ-KK 22/02/2022
4	Công ty Cổ phần Thép lưới Bình Tây	12.045.101.538	32/NQ-KK 22/02/2022
5	Công ty Cổ phần thép Vicasa – Vnsteel	235.400.000	32/NQ-KK 22/02/2022
6	Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal – Vnsteel	2.749.373.575	32/NQ-KK 22/02/2022
Mua hàng hóa và dịch vụ			
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – Vnsteel	1.124.832.975.660	49/NQ-KK 07/04/2022
2	Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	927.807.384.080	49/NQ-KK 07/04/2022
3	Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	97.276.052.099	59/NQ-KK 20/04/2022
4	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	28.461.615.950	32/NQ-KK 22/02/2022
5	Công ty Cổ phần thép Vicasa - Vnsteel	19.730.586.891	32/NQ-KK 22/02/2022

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty một cách suôn sẻ nhất; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông, cũng như tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất. Ngoài ra, Công ty luôn tăng cường kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



Báo cáo tài chính kiểm toán

Ý kiến kiểm toán
Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 22 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch
Ông Võ Trí Nghĩa	Thành viên
Ông Trương Bá Liêm	Thành viên
Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên
Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Võ Trí Nghĩa	Tổng Giám đốc	
Ông Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 09/06/2022
Bà Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm từ ngày 01/11/2022
Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ ngày 14/11/2022

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng ban
Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên
Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 về quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được lập ngày 17 tháng 01 năm 2023, từ trang 05 đến trang 45, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Ngô Minh Quý
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 2434-2023-002-1
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2023



Phạm Văn Sang
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 3864-2020-002-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.023.592.378.455	1.136.216.140.388
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	51.328.653.179	20.789.998.476
111	1. Tiền		41.328.653.179	20.789.998.476
112	2. Các khoản tương đương tiền		10.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	9.500.000.000	9.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		9.500.000.000	9.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		334.037.629.334	286.490.742.643
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	350.040.325.533	322.130.198.863
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	25.727.600.458	676.061.452
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	15.894.789.585	25.820.985.816
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(57.625.086.242)	(62.136.503.488)
140	IV. Hàng tồn kho	09	594.815.561.618	814.214.011.995
141	1. Hàng tồn kho		689.639.523.669	868.012.964.817
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(94.823.962.051)	(53.798.952.822)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		33.910.534.324	5.221.387.274
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	429.714.612	372.500.000
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.782.701.274	4.848.887.274
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	17.698.118.438	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		121.274.166.444	125.379.987.428
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		155.800.000	98.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	155.800.000	98.000.000
220	II. Tài sản cố định		29.914.347.363	24.958.555.640
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	20.268.381.202	15.122.199.195
222	- Nguyên giá		75.822.216.059	69.089.060.776
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(55.553.834.857)	(53.966.861.581)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.645.966.161	9.836.356.445
228	- Nguyên giá		12.339.454.427	12.339.454.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.693.488.266)	(2.503.097.982)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	72.272.556.624	77.109.780.879
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(73.191.231.144)	(68.354.006.889)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		674.062.457	213.650.909
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	674.062.457	213.650.909
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	18.257.400.000	23.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.000.000.000	37.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(18.742.600.000)	(14.000.000.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.144.866.544.899	1.261.596.127.816

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		762.326.984.599	777.389.125.567
310	I. Nợ ngắn hạn		739.044.096.013	754.467.943.589
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	203.251.277.048	253.972.448.291
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	1.712.174.090	8.054.580.684
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	110.110.657	2.465.346.859
314	4. Phải trả người lao động		8.629.850.301	29.293.308.714
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	2.289.965.340	2.718.052.912
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.793.833.231	80.284.193
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	47.824.448.736	261.909.424.116
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	468.236.751.870	193.759.608.928
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		5.195.684.740	2.214.888.892
330	II. Nợ dài hạn		23.282.888.586	22.921.181.978
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	23.282.888.586	22.921.181.978
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		382.539.560.300	484.207.002.249
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	382.539.560.300	484.207.002.249
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		272.999.990.000	210.000.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		272.999.990.000	210.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		7.588.967.893	-
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		54.846.536.104	62.435.503.997
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		8.105.369.473	172.772.801.422
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		4.978.116.786	30.678.381.023
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		3.127.252.687	142.094.420.399
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.144.866.544.899	1.261.596.127.816



Lê Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Mây
Trưởng phòng TCKT

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	3.414.324.323.557	3.830.564.756.476
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	2.839.396.085	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.411.484.927.472	3.830.564.756.476
11	4. Giá vốn hàng bán	26	3.337.642.511.584	3.578.747.979.779
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		73.842.415.888	251.816.776.697
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	26.001.824.522	18.898.411.639
22	7. Chi phí tài chính	28	36.379.249.448	5.820.052.406
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		17.732.830.700	10.924.830.936
25	8. Chi phí bán hàng	29	44.426.125.285	56.298.819.361
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	15.053.478.833	32.540.305.495
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.985.386.844	176.056.011.074
31	11. Thu nhập khác	31	1.551.086.781	1.847.508.369
32	12. Chi phí khác	32	14.047.559	105.766.728
40	13. Lợi nhuận khác		1.537.039.222	1.741.741.641
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.522.426.066	177.797.752.715
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	2.395.173.379	35.703.332.316
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		3.127.252.687	142.094.420.399
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	115	4.828



Lê Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Mây
Trưởng phòng TCKT

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		5.522.426.066	177.797.752.715
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.551.742.031	8.858.007.992
03	- Các khoản dự phòng		40.442.120.967	43.788.653.042
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(890.133.028)	(213.972.381)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.925.165.388)	(2.322.800.643)
06	- Chi phí lãi vay		17.732.830.700	10.924.830.936
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		68.433.821.348	238.832.471.661
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(65.700.790.512)	(14.600.088.338)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		178.373.441.148	(399.683.189.760)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(289.744.303.734)	251.290.090.574
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(57.214.612)	399.631.190
14	- Tiền lãi vay đã trả		(17.302.525.111)	(11.072.013.038)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9.956.071.484)	(43.786.454.188)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.313.898.788)	(3.792.930.300)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(143.267.541.745)	17.587.517.801
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(9.130.721.047)	(548.501.883)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		487.600.079	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(9.000.000.000)	(34.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		9.000.000.000	34.500.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		2.425.343.392	2.415.071.875
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(6.217.777.576)	1.866.569.992
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		3.546.917.723.681	3.836.835.782.473
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(3.272.440.580.739)	(3.813.714.130.417)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(94.467.795.950)	(35.674.357.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		180.009.346.992	(12.552.705.544)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2022
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2022	Năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		30.524.027.671	6.901.382.249
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		20.789.998.476	13.874.736.655
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		14.627.032	13.879.572
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	51.328.653.179	20.789.998.476

Lê Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Mây
Trưởng phòng TCKT



Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2022

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 22 tháng 08 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 272.999.990.000 VND, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 272.999.990.000 VND; tương đương 27.299.999 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 166 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là: 181 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm 2022, do ảnh hưởng chung của thị trường thép trong nước cũng như thế giới, kết hợp với sản lượng bán ra năm nay giảm dẫn đến doanh thu bán hàng năm nay giảm 10,87% tương ứng 416,24 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước. Sản lượng tiêu thụ giảm kết hợp giá tồn kho bình quân vẫn ở mức cao dẫn tới biên lợi nhuận năm nay giảm mạnh so với năm trước. Mặt khác, do ảnh hưởng của thị trường về giá cả xăng dầu, các chi phí dịch vụ mua ngoài liên quan đến công tác bán hàng tăng lên. Bên cạnh đó, ảnh hưởng của tỷ giá khiến cho chi phí tài chính phát sinh do lỗ chênh lệch tỷ giá tăng 8,36 tỷ VND so với năm trước. Chi phí lãi vay tăng 6,8 tỷ VND so với cùng kỳ.

Các yếu tố trên ảnh hưởng mạnh đến sự sụt giảm lợi nhuận kế toán năm nay với tỷ lệ giảm 96,89% so với cùng kỳ năm trước, tương đương giá trị giảm 172,275 tỷ VND.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty CP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng (*)	Long An	Kho chứa hàng

(*) Ngày 16/03/2021, Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết số 146/NQ-KK về việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng. Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục giải thể Chi nhánh.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;

- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Các tài sản khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 34	năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 12	năm

2.12 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.13 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.14 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Chi phí trả trước tiền thuê tài sản và chi phí phát hành thư bảo lãnh được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

2.15 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.16 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.17 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.18 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.19 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho dịch vụ thuê văn phòng, kho bãi của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.20 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.21 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.22 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

2.23 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.24 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.25 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.26 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.27 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.28 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.416.494.059	807.010.277
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	39.912.159.120	19.982.988.199
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	-
	51.328.653.179	20.789.998.476

Tại ngày 31/12/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 10.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất 6%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn				
- Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-
	9.500.000.000	-	9.500.000.000	-

^(*) Đây là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,6%/năm đến 7,2%/năm.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Mã chứng khoán	31/12/2022			01/01/2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Tỷ lệ quyền biểu quyết %
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel (TNB) ⁽¹⁾	TNB	23.000.000.000	(4.742.600.000)	10%	23.000.000.000	-	10%
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (TNS) ⁽²⁾	TNS	14.000.000.000	(14.000.000.000)	7%	14.000.000.000	(14.000.000.000)	7%
		37.000.000.000	(18.742.600.000)		37.000.000.000	(14.000.000.000)	

⁽¹⁾ Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (mã cổ phiếu TNB) giao dịch trên thị trường UPCoM, được xác định theo giá tham chiếu bình quân từ ngày 21/11/2022 đến ngày 30/12/2022.

⁽²⁾ Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (mã TNS) đang được giao dịch trên thị trường UPCoM, tuy nhiên, do khó có thể bán ra toàn bộ cổ phiếu bằng với giá thị trường Công ty không có kế hoạch bán Cổ phiếu này trong thời gian tới nên Công ty không ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá đóng cửa tại ngày 31/12/2022 mà thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2022. Tại ngày 31/12/2022, Công ty trích lập dự phòng cho toàn bộ giá trị đầu tư này.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel (TNB)	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Sản xuất, kinh doanh thép
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (TNS)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7,00%	7,00%	Sản xuất, kinh doanh thép tấm lá

Thông tin cổ tức bằng cổ phiếu nhận được trong kỳ:

	Mã chứng khoán	Số lượng được nhận	Ngày chốt quyền	Ngày thực nhận	Số lượng cổ phiếu tại 31/12/2022
Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	TNB	299.000	31/08/2022	23/09/2022	1.449.000

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGÂN HẠN

	31/12/		31/12/	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên liên quan	39.653.672.833	(39.653.672.833)	42.339.885.614	(42.103.672.833)
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	39.653.672.833	(39.653.672.833)	42.103.672.833	(42.103.672.833)
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	-	-	236.212.781	-
Bên khác	310.386.652.700	(17.971.413.409)	279.790.313.249	(20.032.830.655)
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	35.840.933.040	-	34.002.508.570	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hồng Quyên	17.636.053.838	-	21.281.271.429	-
- Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	15.004.905.710	-	15.846.604.180	-
- Công ty TNHH Kim khí Thép Long An	21.616.250.124	-	14.199.601.864	-
- Công ty TNHH MTV Thép Thành Ngọ	11.834.920.945	-	13.960.185.547	-
- Phải thu khách hàng khác	208.453.589.043	(17.971.413.409)	180.500.141.659	(20.032.830.655)
	350.040.325.533	(57.625.086.242)	322.130.198.863	(62.136.503.488)

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGÂN HẠN

	31/12/		31/12/	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Đăng Phát	-	-	353.228.000	-
- Công ty TNHH Thang máy MITSUBISHI Việt Nam	-	-	174.976.652	-
- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên - Chi nhánh Bình Dương	24.211.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Phú Thuận Thành	1.047.836.790	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	468.763.668	-	147.856.800	-
	25.727.600.458	-	676.061.452	-

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	232.745.205	-	220.523.288	-
Tạm ứng	20.000.000	-	50.000.000	-
Ký cược, ký quỹ ⁽¹⁾	7.035.000.000	-	9.194.753.958	-
Chiết khấu sản lượng	7.871.527.350	-	2.720.350.070	-
Phải thu lãi ký quỹ	141.150.685	-	258.575.460	-
Chiết khấu thanh toán	501.458.950	-	578.535.792	-
Thuế TNDN được hoàn ⁽²⁾	-	-	12.500.000.000	-
Phải thu khác	92.907.395	-	298.247.248	-
	15.894.789.585	-	25.820.985.816	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	155.800.000	-	98.000.000	-
	155.800.000	-	98.000.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH Thép Vinakyoiei	14.539.747.735	-	7.258.575.460	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	974.389.250	-	578.535.792	-
Công ty TNHH MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ - Vnsteel	-	-	1.979.753.958	-
	15.514.136.985	-	9.816.865.210	-

⁽¹⁾ Trong đó bao gồm khoản ký quỹ cho Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei để đảm bảo thực hiện hợp đồng số 01/2022/HDMB/VKS-HMC ngày 01/01/2022 với giá trị là 7 tỷ VND.

⁽²⁾ Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.

8 . NỢ XẤU

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thép Tâm lá Thống Nhất	39.653.672.833	-	42.103.672.833	-
- Công ty TNHH Việt Quang	10.597.746.361	-	10.597.746.361	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung	2.372.428.950	-	2.602.428.950	-
- Các khoản khác	7.637.988.353	2.636.750.255	10.001.194.416	3.168.539.072
	<u>60.261.836.497</u>	<u>2.636.750.255</u>	<u>65.305.042.560</u>	<u>3.168.539.072</u>

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-	196.240.781.361	(16.717.168.277)
Nguyên liệu, vật liệu	26.357.398	-	42.856.544	-
Hàng hoá	689.613.166.271	(94.823.962.051)	671.729.326.912	(37.081.784.545)
	<u>689.639.523.669</u>	<u>(94.823.962.051)</u>	<u>868.012.964.817</u>	<u>(53.798.952.822)</u>

10 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án đầu tư mở rộng Xưởng Gia công thép Vĩnh Lộc (*)	309.471.391	213.650.909
- Dự án đầu tư xây dựng nhà văn phòng tại Xí nghiệp 5	6.382.906	-
- Nâng cấp TSCĐ tại kho Linh Trung Thủ Đức	358.208.160	-
	<u>674.062.457</u>	<u>213.650.909</u>

(*) Thông tin chi tiết Dự án đầu tư mở rộng Xưởng Gia công thép Vĩnh Lộc như sau:

- Địa điểm thực hiện: Lô số C35/I, đường số 7, khu công nghiệp Vĩnh Lộc, quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh;
- Tổng vốn đầu tư dự án: 22,13 tỷ VND;
- Mục tiêu thực hiện dự án: Đầu tư nhà xưởng để sản xuất, gia công kim khí;
- Quy mô của dự án: 81.286 tấn sản phẩm/năm;
- Thời gian hoạt động của dự án: đến hết ngày 02/07/2047;
- Tiến độ thực hiện dự án: dự kiến thực hiện từ tháng 06/2022 đến tháng 12/2024. Dự án đầu tư mở rộng xưởng gia công thép Vĩnh Lộc triển khai từ đầu năm 2021. Tuy nhiên vướng nhiều thủ tục hành chính đến nay vẫn chưa xin được giấy phép xây dựng dẫn đến chậm tiến độ. Căn cứ công văn số 1220/VNS-KHTT ngày 21/10/2022 của Tổng công ty Thép Việt Nam - CTCP về các giải pháp trọng tâm quý IV, xem xét tạm dừng, giãn các dự án, để dành dòng tiền phục vụ các mục tiêu cấp thiết, Công ty cũng đã có công văn báo cáo xin được tạm dừng Dự án mở rộng xưởng gia công thép Vĩnh Lộc để dành dòng tiền phục vụ các mục tiêu sản xuất kinh doanh khác và sẽ tiếp tục thực hiện trong thời gian thích hợp.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	29.090.735.961	30.495.222.708	7.404.625.010	1.120.776.266	977.700.831	69.089.060.776
- Mua trong kỳ	-	-	2.891.600.000	182.472.364	-	3.074.072.364
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	5.666.644.125	-	-	-	-	5.666.644.125
- Thanh lý, nhượng bán	(542.394.502)	(796.874.000)	(514.800.121)	(153.492.583)	-	(2.007.561.206)
Số dư cuối kỳ	34.214.985.584	29.698.348.708	9.781.424.889	1.149.756.047	977.700.831	75.822.216.059
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	18.604.894.750	28.651.125.578	4.893.185.007	839.955.415	977.700.831	53.966.861.581
- Khấu hao trong kỳ	1.570.721.251	1.014.648.336	794.622.544	144.135.361	-	3.524.127.492
- Thanh lý, nhượng bán	(471.987.512)	(796.874.000)	(514.800.121)	(153.492.583)	-	(1.937.154.216)
Số dư cuối kỳ	19.703.628.489	28.868.899.914	5.173.007.430	830.598.193	977.700.831	55.553.834.857
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu kỳ	10.485.841.211	1.844.097.130	2.511.440.003	280.820.851	-	15.122.199.195
Tại ngày cuối kỳ	14.511.357.095	829.448.794	4.608.417.459	319.157.854	-	20.268.381.202

Trong đó:
 - Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 25.196.802.319 VND.

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Số dư cuối kỳ	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	1.999.097.982	504.000.000	2.503.097.982
- Khấu hao trong kỳ	190.390.284	-	190.390.284
Số dư cuối kỳ	2.189.488.266	504.000.000	2.693.488.266
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	9.836.356.445	-	9.836.356.445
Tại ngày cuối kỳ	9.645.966.161	-	9.645.966.161

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 504.000.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty chi tiết như sau:

- Lô C35/1 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, đường Số 7, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.900 m² và có thời hạn sử dụng đến ngày 07/02/2047;
- Lô số 24, 26, 28 đường số 12, Khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 332,6 m² và có thời hạn sử dụng lâu dài.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Chi phí xây dựng tòa nhà	Thiết bị	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Số dư cuối kỳ	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	42.616.374.240	25.737.632.649	68.354.006.889
- Khấu hao trong kỳ	3.593.513.244	1.243.711.011	4.837.224.255
Số dư cuối kỳ	46.209.887.484	26.981.343.660	73.191.231.144
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	75.866.069.868	1.243.711.011	77.109.780.879
Tại ngày cuối kỳ	72.272.556.624	-	72.272.556.624

Thông tin chi tiết về bất động sản đầu tư cho thuê:

- Bất động sản đầu tư của Công ty là hai tòa nhà cho thuê tại địa chỉ số 193, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh và tại số 189, Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê là: 26.981.343.660 VND.

- Trong kỳ, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê các bất động sản đầu tư là 47.308.338.032 VND.
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2022. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất, thuê tài sản	22.500.000	22.500.000
Phí phát hành bảo lãnh thanh toán	407.214.612	350.000.000
	429.714.612	372.500.000

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	202.055.998.490	202.055.998.490	57.841.098.249	57.841.098.249
Công ty TNHH Thép Vina Kyoel	140.416.144.330	140.416.144.330	418.552.090	418.552.090
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	40.264.322.439	40.264.322.439	57.422.546.159	57.422.546.159
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	2.492.490	2.492.490	-	-
Công ty TNHH MTV Thép Tâm Lá Phú Mỹ	21.373.039.231	21.373.039.231	-	-
<i>Bên khác</i>	1.195.278.558	1.195.278.558	196.131.350.042	196.131.350.042
Arsen International (HK) Ltd	-	-	195.135.917.715	195.135.917.715
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Đăng Phát	480.146.508	480.146.508	-	-
Các đối tượng khác	715.132.050	715.132.050	995.432.327	995.432.327
	203.251.277.048	203.251.277.048	253.972.448.291	253.972.448.291

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên khác</i>				
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Thép Phước Thịnh	-	-	2.407.491.178	2.407.491.178
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Thép Hoàng Kim	-	-	2.750.760.232	2.750.760.232
Công ty TNHH Vật liệu Xây dựng Thành Trung	-	-	1.700.000.000	1.700.000.000
Công ty TNHH Siêu Kỳ	489.300.000	489.300.000	-	-
Các đối tượng khác	1.222.874.090	1.222.874.090	1.196.329.274	1.196.329.274
	1.712.174.090	1.712.174.090	8.054.580.684	8.054.580.684

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Thuế được hoàn trong kỳ (*)	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND		VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	94.795.030.852	94.795.030.852	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	2.362.779.667	2.395.173.379	9.956.071.484	(12.500.000.000)	17.698.118.438	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	102.567.192	5.807.021.714	5.799.478.249	-	-	110.110.657
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	8.765.318.347	8.765.318.347	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.477.346	4.477.346	-	-	-
	-	2.465.346.859	111.777.021.638	119.330.376.278	(12.500.000.000)	17.698.118.438	110.110.657

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

(*) Số tiền thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp được hoàn theo Bản án số 400/2020/HS-ST ngày 20/09/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Bản án phúc thẩm số 452/2021/HSPT ngày 02/12/2021 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	551.119.308	120.813.719
- Trích trước chi phí tiền điện, nước	13.500.000	14.500.000
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	243.279.856	405.014.229
- Tiền lãi ký quỹ của nhân viên bán hàng	332.236.302	331.418.356
- Trích trước chi phí giao dịch UPAS L/C	226.353.311	886.406.354
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	552.836.338	587.122.603
- Chi phí phải trả khác	370.640.225	372.777.651
	2.289.965.340	2.718.052.912

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	1.793.833.231	80.284.193
	1.793.833.231	80.284.193

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Bảo hiểm xã hội	-	50.947.390
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.489.689.400	2.441.218.528
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	136.379.350	104.175.300
- Phải trả các ngân hàng về khoản thanh toán L/C cho nhà cung cấp ⁽¹⁾	44.965.597.320	208.759.240.558
- Lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước từ thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh ⁽²⁾	-	50.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	232.782.666	553.842.340
	47.824.448.736	261.909.424.116
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	23.282.888.586	22.921.181.978
	23.282.888.586	22.921.181.978

⁽¹⁾ Đây là các khoản do các Ngân hàng thương mại đã thanh toán cho nhà cung cấp của Công ty theo các UPAS L/C. Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đã xác nhận nợ với Ngân hàng, số dư nợ gốc là 1.899.416,08 USD, tương đương 44.965.597.320 VND, kỳ hạn nợ là 03 tháng, lãi suất từ 5,95%/năm đến 6,7%/năm.

⁽²⁾ Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh số 38.

21 . VAY NGÂN HẠN

	01/01/2022		Trong kỳ		31/12/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	72.220.984.411	72.220.984.411	1.330.323.916.470	1.149.041.187.409	253.503.713.472	253.503.713.472
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽²⁾	80.504.507.681	80.504.507.681	1.637.430.342.005	1.603.073.200.663	114.861.649.023	114.861.649.023
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽³⁾	41.034.116.836	41.034.116.836	579.163.465.206	520.326.192.667	99.871.389.375	99.871.389.375
	193.759.608.928	193.759.608.928	3.546.917.723.681	3.272.440.580.739	468.236.751.870	468.236.751.870

21 . VAY NGÂN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2022	01/01/2022	
						VND	VND	
(1)	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 22.350092/2022-HĐCVHM/NHCT900-KIMKHI ngày 06/12/2022	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	253.503.713.472	72.220.984.411	
(2)	Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh							
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/94697/HĐTD ngày 05/09/2022	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh, mở L/C	114.861.649.023	80.504.507.681	
(3)	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh							
	Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0102/2238/N-KD/01 ngày 12/09/2022	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể	Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	99.871.389.375	41.034.116.836	
						468.236.751.870	193.759.608.928	

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	210.000.000.000	37.225.230.000	-	62.435.503.997	1.773.466.830	68.284.972.606	379.719.173.433
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	142.094.420.399	142.094.420.399
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(35.700.000.000)	(35.700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.906.591.583)	(1.906.591.583)
Số dư cuối kỳ trước	210.000.000.000	37.225.230.000	-	62.435.503.997	1.773.466.830	172.772.801.422	484.207.002.249
Số dư đầu kỳ này	210.000.000.000	37.225.230.000	-	62.435.503.997	1.773.466.830	172.772.801.422	484.207.002.249
Tăng vốn trong kỳ này	62.999.990.000	-	-	-	-	(62.999.990.000)	-
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	3.127.252.687	3.127.252.687
Chia cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	(94.500.000.000)	(94.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(10.294.694.636)	(10.294.694.636)
Tăng tài sản từ nguồn quỹ đầu tư phát triển	-	-	7.588.967.893	(7.588.967.893)	-	-	-
Số dư cuối kỳ này	272.999.990.000	37.225.230.000	7.588.967.893	54.846.536.104	1.773.466.830	8.105.369.473	382.539.560.300

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 49/NQ-KK ngày 07/04/2022, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2021 như sau:

	Tỷ lệ (%)	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế dùng để phân phối	100,00	172.772.801.422
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	5,96	10.294.694.636
Chi trả cổ tức	91,16	157.499.990.000
- Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 4.500 VND) (*)	54,70	94.500.000.000
- Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu (tỷ lệ 100:30) (**)	36,46	62.999.990.000
Lợi nhuận chưa phân phối	2,88	4.978.116.786

(*) Theo Thông báo số 1153/TB-SGDHCM ngày 14/06/2022 về ngày đăng ký cuối cùng về chi trả cổ tức bằng tiền mặt là 22/06/2022, ngày thanh toán là 06/07/2022.

(**) Căn cứ Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 49/NQ-KK ngày 07/04/2022 và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 72/NQ-KK ngày 17/05/2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu như sau:

- Số lượng cổ phiếu đã phát hành thêm là 6.299.999 cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ tăng thêm là 62.999.990.000 VND;
- Mục đích phát hành: phát hành cổ phiếu từ nguồn Lợi nhuận chưa phân phối để bổ sung nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Đối tượng được phân phối: cổ đông hiện hữu;
- Nguồn vốn phát hành: Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại thời điểm 31/12/2021 theo Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc này 31/12/2021 đã được kiểm toán;
- Ngày 22/06/2022 là ngày chốt danh sách để chi trả cổ tức và thời điểm số lượng cổ phiếu phát hành bổ sung được niêm yết là ngày 29/07/2022.
- Tổng số cổ phiếu sau đợt phát hành (ngày 23/06/2022) là 27.299.999 cổ phiếu. Công ty đã có báo cáo số 410/BC-KK ngày 27/06/2022 gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67	151.977.410.000	55,67	116.905.700.000
- Các cổ đông khác	44,33	121.022.580.000	44,33	93.094.300.000
	100	272.999.990.000	100	210.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	210.000.000.000	210.000.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	62.999.990.000	-
- Vốn góp cuối kỳ	272.999.990.000	210.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu kỳ	104.175.300	78.532.900
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong kỳ	157.499.990.000	35.700.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	157.499.990.000	35.700.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(94.467.795.950)	(35.674.357.600)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(94.467.795.950)	(35.674.357.600)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	(62.999.990.000)	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(62.999.990.000)	-
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	136.379.350	104.175.300

d) Cổ phiếu

	31/12/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.999	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.999	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.999	21.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	54.846.536.104	62.435.503.997
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	56.620.002.934	64.208.970.827

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho thuê văn phòng tại tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng và 189 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê cho hoạt động. Vào ngày 31/12/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	38.813.227.244	31.645.781.751
- Trên 1 năm đến 5 năm	54.286.890.563	76.220.026.484

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm với các thông tin chi tiết như sau:

+ Hợp đồng thuê đất tại số 193 Đinh Tiên Hoàng và số 189 Nguyễn Thị Minh Khai - Thành phố Hồ Chí Minh thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2046 để sử dụng với mục đích đầu tư văn phòng cho thuê. Tổng diện tích các khu đất thuê là 66.527,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Hợp đồng thuê đất tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức có thời hạn thuê từ năm 2015 đến năm 2020 để sử dụng với mục đích làm kho bãi. Tổng diện tích khu đất thuê là 64.020,7 m². Tại thời điểm 31/12/2022, Công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý để gia hạn thuê đất tại phường Linh Trung, quận Thủ Đức. Hiện tại tiền thuê đất hàng năm đang được thanh toán theo thông báo tiền thuê đất của Chi cục thuế.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022	01/01/2022
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.372,24	3.320,44
- Đồng Euro (EUR)	200,00	200,00

d) Vàng ngoại tệ

	31/12/2022	01/01/2022
- Vàng tiền tệ (Chi)	137,00	60,00

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	39.463.033.194	39.236.373.107
	39.463.033.194	39.236.373.107

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.342.709.704.386	3.765.473.561.140
Doanh thu cung cấp dịch vụ	71.614.619.171	65.091.195.336
	3.414.324.323.557	3.830.564.756.476
	21.745.939.382	38.522.001.165

Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 41)

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	555.380.000	-
Hàng bán bị trả lại	2.284.016.085	-
	2.839.396.085	-

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.271.000.614.665	3.502.752.087.114
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	25.616.887.690	29.059.583.284
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	41.025.009.229	46.936.309.381
	3.337.642.511.584	3.578.747.979.779
Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan		
Tổng giá trị mua vào:	2.198.108.614.680	1.595.844.653.595

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 41)

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1.690.065.309	1.173.243.393
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	20.423.282.206	11.836.316.372
Cổ tức lợi nhuận được chia	747.500.000	1.149.557.250
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.820.575.444	4.097.069.877
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	890.133.028	213.972.381
Doanh thu hoạt động tài chính khác	430.268.535	428.252.366
	26.001.824.522	18.898.411.639

Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 41)

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	17.732.830.700	10.924.830.936
Chi phí Upas LC	4.774.717.745	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	8.792.164.975	425.113.250
Dự phòng/Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính	4.742.600.000	(5.865.000.000)
Chi phí tài chính khác	336.936.028	335.108.220
	36.379.249.448	5.820.052.406

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	659.786.984	625.775.075
Chi phí nhân công	26.324.306.944	40.608.338.798
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.017.400.236	3.774.388.512
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.980.119.803	6.648.728.922
Chi phí khác bằng tiền	5.444.511.318	4.641.588.054
	44.426.125.285	56.298.819.361

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	533.761.023	922.421.141
Chi phí nhân công	8.742.005.559	17.307.801.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	393.045.893	290.894.518
Hoàn nhập/dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.697.346.230)	2.717.343.661
Thuế, phí, và lệ phí	107.646.982	100.523.415
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.488.360.559	3.461.602.522
Chi phí khác bằng tiền	4.486.005.047	7.739.718.379
	15.053.478.833	32.540.305.495

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Giá trị hàng thừa nhập kho	691.414.916	991.600.868
Tiền phạt, tiền bồi thường, phí tàu giã thu được	148.712.983	673.357.501
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	487.600.079	-
Thu nhập khác	223.358.803	182.550.000
	1.551.086.781	1.847.508.369

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Các khoản bị phạt	6.577.346	60.582.227
Chi phí khác	7.470.213	45.184.501
	14.047.559	105.766.728

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	5.522.426.066	177.797.752.715
Các khoản điều chỉnh tăng	8.304.760.619	742.646.266
- Chi phí không hợp lệ (phúc lợi, thù lao, phạt, ...)	835.640.540	742.646.266
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	322.968	-
- Chi phí lãi vay	7.468.797.111	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(762.450.000)	(1.163.436.822)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(747.500.000)	(1.149.557.250)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ	(14.950.000)	(13.879.572)
Thu nhập chịu thuế TNDN	13.064.736.685	177.376.962.159
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	2.612.947.337	35.475.392.432
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	(217.773.958)	227.939.884
Thuế TNDN được hoàn theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 452/2021/HSPT	(12.500.000.000)	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	2.362.779.667	10.445.901.539
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(9.956.071.484)	(43.786.454.188)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(17.698.118.438)	2.362.779.667

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2022	Năm 2021 (Đã điều chỉnh)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.127.252.687	142.094.420.399
Các khoản điều chỉnh	-	(10.294.694.636)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(10.294.694.636)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.127.252.687	131.799.725.763
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	27.299.999	27.299.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	115	4.828

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 22, Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông số 49/NQ-KK ngày 07/04/2022 đã thông qua phương án trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận năm 2021 của Công ty và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 72/NQ-KK ngày 27/05/2022, Công ty đã phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu, dẫn đến việc trình bày lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo năm 2021	Năm 2021 (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	142.094.420.399	142.094.420.399
Các khoản điều chỉnh	-	(10.294.694.636)
- <i>Quỹ khen thưởng, phúc lợi</i>	-	(10.294.694.636)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	142.094.420.399	131.799.725.763
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	21.000.000	27.299.999
	6.766	4.828

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 – Lãi trên cổ phiếu. (Xem chi tiết thêm tại Thuyết minh số 21)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.442.209.752	1.674.559.223
Chi phí nhân công	41.003.514.649	69.449.128.593
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.551.742.031	8.858.007.992
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.502.261.748	22.529.138.649
Chi phí khác bằng tiền	10.294.109.858	12.570.006.607
Chi phí hoàn nhập/dự phòng nợ phải thu khó đòi	(3.697.346.230)	2.717.343.661
	85.096.491.808	117.798.184.725

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2022				
Đầu tư dài hạn	-	-	18.257.400.000	18.257.400.000
	-	-	18.257.400.000	18.257.400.000
Tại ngày 01/01/2022				
Đầu tư dài hạn	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000
	-	-	23.000.000.000	23.000.000.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.328.653.179	-	-	51.328.653.179
Phải thu khách hàng, phải thu khác	308.310.028.876	155.800.000	-	308.465.828.876
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
	369.138.682.055	155.800.000	-	369.294.482.055

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.789.998.476	-	-	20.789.998.476
Phải thu khách hàng, phải thu khác	285.814.681.191	98.000.000	-	285.912.681.191
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
	316.104.679.667	98.000.000	-	316.202.679.667

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/12/2022				
Vay và nợ	468.236.751.870	-	-	468.236.751.870
Phải trả người bán, phải trả khác	251.075.725.784	23.282.888.586	-	274.358.614.370
Chi phí phải trả	2.289.965.340	-	-	2.289.965.340
	721.602.442.994	23.282.888.586	-	744.885.331.580

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2022				
Vay và nợ	193.759.608.928	-	-	193.759.608.928
Phải trả người bán, phải trả khác	515.881.872.407	22.921.181.978	-	538.803.054.385
Chi phí phải trả	2.718.052.912	-	-	2.718.052.912
	712.359.534.247	22.921.181.978	-	735.280.716.225

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	3.546.917.723.681	3.836.835.782.473
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	3.272.440.580.739	3.813.714.130.417

38 . THÔNG TIN KHÁC

Tháng 10/2010, Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel (trước đây là Công ty Cổ phần Kim Khí thành phố) cùng với bốn (04) Công ty khác được Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đồng ý phương án lập Công ty Cổ phần (sau này là Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue) để thực hiện đầu tư dự án xây dựng khách sạn tiêu chuẩn năm sao và có một phần trung tâm thương mại tại khu đất 8 - 12 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị vốn góp là 12,5 tỷ VND. Ngày 29/10/2010, bốn Công ty (bao gồm Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel) đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty Cổ phần Đầu tư Lavenue cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh Đô, với giá trị chuyển nhượng là 62,5 tỷ VND/mỗi Công ty.

Theo kiến nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ gửi cho Thủ tướng Chính phủ tại văn bản số 645/KL-TTCP ngày 04/05/2018 về việc thanh tra việc thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm thu hồi toàn bộ khu đất này để thực hiện đấu giá quyền sử dụng đất theo quy định. Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel cùng với ba (03) Công ty tham gia góp vốn có trách nhiệm hoàn trả lại 50 tỷ VND cho Công ty TNHH Đầu tư Kinh đô (Kido) do chuyển nhượng quyền đầu tư dự án không đúng quy định. Tuy nhiên, tại kết luận này cũng nêu: “Trường hợp có tranh chấp liên quan đến số tiền trên yêu cầu các công ty khởi kiện ra tòa theo pháp luật dân sự để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình”.

Theo Bản án số 400/2020/HS-ST ngày 20/09/2020 của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thực hiện dự án đầu tư, xây dựng khách sạn cao cấp, thương mại, dịch vụ, căn hộ cho thuê tại số 8-12 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh kết luận rằng liên quan đến Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel trong phần dân sự của bản án có tuyên "Buộc Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh nộp lại số tiền 50 tỷ đồng để tịch thu ngân sách Nhà nước". Bên cạnh đó, bản án cũng nêu "Mỗi công ty đều đã nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định là 12,5 tỷ VND, do đó 4 công ty trên được quyền liên hệ với chi cục thuế Quận 1 để hạch toán lại số tiền thuế trên". Ngày 02/10/2020, Công ty Cổ phần Kim Khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel đã có đơn kháng cáo gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xem xét hủy các nội dung đã tuyên tại bản án sơ thẩm.

Căn cứ theo kết luận tại Bản án số 400/2020/HS-ST Công ty đã ghi nhận vào Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 như sau:

- Tăng chi phí khác và theo dõi nợ phải trả khác (xem Thuyết minh số 19) đối với khoản lợi nhuận phải nộp ngân sách nhà nước 50 tỷ VND;

- Giảm chi phí khác và theo dõi nợ phải thu khác (xem Thuyết minh số 07) đối với phần thuế thu nhập doanh nghiệp tương ứng 12,5 tỷ VND.

Theo Bản án phúc thẩm số 452/2021/HSPT ngày 02/12/2021 của Tòa án Nhân dân Cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên không chấp nhận kháng cáo của Công ty. Ngày 13/07/2022, theo Quyết định số 2483/QĐ-CTHADS, Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh đã ra quyết định chính thức đối với vụ việc nêu trên. Ngày 22/07/2022, Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ với Ngân sách Nhà nước về khoản tiền phải nộp nêu trên.

39 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngoài các sự kiện đã được công bố tại Thuyết minh số 22 và Thuyết minh số 38, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

40 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.339.870.308.301	71.614.619.171	3.411.484.927.472
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	27.844.684.407	45.997.731.481	73.842.415.888
Tổng chi phí mua TSCĐ	9.201.128.037	-	9.201.128.037
Tài sản bộ phận trực tiếp	938.459.724.325	67.257.579.580	1.005.717.303.905
Tài sản không phân bổ	-	-	139.149.240.994
Tổng tài sản	938.459.724.325	67.257.579.580	1.144.866.544.899
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	250.513.157.846	2.121.997.484	252.635.155.330
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	509.691.829.269
Tổng nợ phải trả	250.513.157.846	2.121.997.484	762.326.984.599

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

41 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong kỳ với các bên liên quan như sau:

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21.745.939.382	38.522.001.165
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	-	4.127.962.000
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	1.599.149.506	689.570.470
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	921.188.280	629.007.479
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	4.195.726.483	4.892.225.890
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	12.045.101.538	28.183.235.326
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	235.400.000	-
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	2.749.373.575	-
Mua hàng hóa và dịch vụ	2.198.108.614.680	1.595.844.653.595
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	1.124.832.975.660	914.667.191.825
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	-	127.350.000
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	927.807.384.080	473.702.574.920
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	97.276.052.099	113.941.767.783
- Công ty Cổ phần Gang thép Thái Nguyên	-	73.795.001.200
- Công ty Cổ phần Tôn mạ Vnsteel Thăng Long	-	8.659.448.633
- Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	28.461.615.950	-
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	19.730.586.891	10.931.319.234
- Công ty TNHH MTV Tư vấn MDC - Vnsteel	-	20.000.000
Thu nhập từ chiết khấu thanh toán, lãi ký quỹ	8.769.400.968	5.258.209.744
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	8.341.459.076	4.847.790.387
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	427.941.892	410.419.357

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Nhận cổ tức	747.500.000	1.149.557.250
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	747.500.000	1.149.557.250
Chi trả cổ tức	52.607.565.000	19.873.969.000
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	52.607.565.000	19.873.969.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2022	Năm 2021
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	794.090.000	881.948.000
- Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT	60.000.000	269.871.339
	Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ ngày 15/06/2021)		
- Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	772.430.000	863.496.000
	Kiểm Tổng Giám đốc		
- Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	621.676.696	762.708.000
	(Miễn nhiệm từ ngày 14/11/2022)		
- Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	447.685.666	-
	(Bỏ nhiệm từ ngày 09/06/2022)		
- Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	89.710.000	-
	(Bỏ nhiệm từ ngày 01/11/2022)		
- Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	545.000.000	598.800.000
- Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	44.000.000	42.000.000
- Huỳnh Thị Lệ Nga	Thành viên Ban kiểm soát	-	13.417.000
	(Miễn nhiệm từ ngày 26/04/2021)		
- Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	28.583.000
	(Bỏ nhiệm từ ngày 26/04/2021)		

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày đầu kỳ, kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

42 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.

Lê Thúy Hằng
Người lập

Nguyễn Thị Hồng Mây
Trưởng phòng TCKT



Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 17 tháng 01 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - VNSTEEL

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 28 tháng 03 năm 2023

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
Tổng Giám đốc



Võ Trí Nghĩa